

TRITÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|---|------------------------|
| * Ngó qua mấy phái trong làng
« Lập ngôn » ở xứ ta nay | Hoa-Bằng |
| * Tùy hứng | Bà Văn-Đài — Bạch-Diện |
| | Cách-Chi — Thi-Nham |
| * Dịch thơ Đường | Trúc-Khê |
| * Những ông nghề triều Lê (LXXVIII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Gốc tích thành Huế | Ứng-Hòa |
| * Văn học Việt-Nam hiện đại
(1900-1940) (I) | Lê-Thanh |
| * Lê Quýnh (hết) | Tiền-Đàm |
| * Vũ-như-Tô (lịch lịch-sử, hết) | Nguyễn-huy-Tướng |
| * Nam dân bát châu thi thảo (XXII) | Tùng-Vân |
| * Khái luận và phê-bình thi ca cũ | Hoàng-thiếu-Son |
| * Đại-nam dật-sự (XXVII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXI) | Chu-Thiên |



Tòa báo: 95-97, Chancéaulme, Hanoi

Một năm 18\$00 — 6 tháng 9\$50 — 3 tháng 5\$00 — Mỗi số 0\$40

Trở lại vấn-đề lập-ngôn

Ngó qua mây phai trong làng

« LẬP-NGÔN »

ở xứ ta nay

HÒA BẢNG

Từ khi tiếp xúc Âu tây, người mình như qua một cơn mộng lớn mới tỉnh, nhìn vào cái kho Quốc-học, Quốc-văn, thấy thốt mây pho sách hán, tác-đạo vài cuốn truyện nôm, không khỏi ngạc nhiên nhau vừa buồn vừa tủi: một nước mấy nghìn năm văn hiến chỉ có thế ư?

Rồi người ta hồ hào cồ-động: Phải gây lấy một nền Quốc-học! Phải làm giàu cho kho Quốc-văn!

Nhưng công-cuộc ấy, những ai có thể cáng-đáng?

Trước một số ít trí-thức, chúng ta có thể tỉnh đối mà kẻ rả vanh-vách.

Nay nhân nghiên-cứu vấn-đề lập-ngôn, xin tạm chia giới lập-ngôn của ta làm mấy phái cho dễ hạ lời lạm bình:

Phái dật-dân.— Phái này gồm những nhà hán học uyên thâm, tuy không trực-tiếp hấp thụ văn-hóa âu-tây, nhưng đã chịu ảnh-hưởng tân học qua các tân thư của Tàu, nên có thể nói họ là một hạng người rộng kiến-thức, giàu từng trải. Nếu họ chịu khó đem học thức và lịch-đuyệt ra mà trước thư lập-ngôn thì chắc sẽ cống-hiến cho đời nhiều điều mà lớp hậu sinh như chúng ta đây chưa từng nghe thấy và biết tới. Nhưng tiếc rằng

hạng này chẳng được bao lâu, mà còn ai sót lại đến giờ thì tuổi cũng đã già, sức cũng đã yếu, nên họ chỉ lặn-lữa qua thời, ngày tháng vui cùng chậu lan, cây cảnh. Vậy nên đọc giả không thể gửi hi-vọng vào phái này được.

Phái lão thành.— Phái này phần nhiều là những bậc tiền tiến trong làng tân học. Họ học chữ pháp, từ khi nhiều hạn khác của họ hãy còn đeo đuổi cái nghề ống-tiền gong lều. Rồi tiến theo thời-gian, họ dần dần có một cái vốn học-thức rất phong phú. Đã lão-luyện, lại viên-lạc, họ rất thận-trọng đối với vấn-đề lập-ngôn. Không phải họ không biết công-việc « tự giác giác tha » là rất cần trọng buổi người mình đương thiếu « linh lương » này, nhưng ý họ dường như còn muốn đợi thời: quả bí phần há cứ lũng-lãng treo cao mãi đầu song một kui tịt đã chắc, cùi đã già, thì bí sẽ dùng để nấu canh hoặc làm mứt. Con ong ngày nào cũng hút hoa bu nhí, không phải nó đem về tổ rồi vứt xó bỏ hoài. Khi nào gió bắc thổi lạnh, vườn vắng tia hồng, người ta sẽ thấy lũng-ong nào cũng nặng trĩu những mật thơm ngon, bấy giờ mới biết cái dụng công ngấm ngấm của ong-mật. Vì vậy, đối với hạng này, ta nay chưa dễ

có hân-hạnh được sớm đọc tác-phẩm họ.

Phái « nhà văn tài-tử »— Phái này không chuyên sống bằng nghề cầm bút, nhưng lúc nào họ cũng hương hoa cầu-nguyện cho Quốc-văn ngày một tiến-tới thịnh đạt hơn nước ngoài, nên họ rất ưa đọc sách báo quốc-văn và theo sát từng bước của từng nhà văn mới. Họ viết rất cứng nhưng ít chịu viết. Họ thường giấu kín lực-lượng trước những tiếng thúc-giục của bạn thân: « Giao này bí quá, chẳng biết viết về vấn-đề gì cả! » Hoặc: « Anh có vấn-đề gì hay thì gọi cho tôi viết! » Hoặc: « Biết viết cái gì bây giờ! Viết quấy-quá thì sợ mang lỗi với độc-giả! » Đó là một cách họ « thaơ hối » rất khôn khéo.

Có một bạn đã thốt ra mấy lời khiêm-tốn này: « Tôi còn phải đọc nhiều và cố dịp thì xách va-li lên đường, đi cho thật nhiều, đi để học lấy những bài học tận nơi, tận chỗ. Bao giờ có tuổi, bấy giờ mới viết gì thì viết. »

Cũng vì thế, nhiều tác-phẩm mà họ đã định làm bấy còn « ngủ » im trong hoài bão họ!

Phái có lương tâm nhà nghề.— Vì có tiếng gọi của thời-đại, vì có sự nhu-cầu của

hoàn-cảnh, vì có duyên, nợ với văn chương, một số nhà văn chân-chính cảm thấy ba phải trên đây dường đã trút cả cho cái gánh nặng, không lẽ khoanh tay ngồi nhìn trước cảnh tiêu-diêu của vườn văn-học và trước tài trí có hạn của cá-thể mình, nên họ đành phải tự huấn luyện, tự tinh tiến, tự tìm-tòi, tự mò-mẫm, cố đi từng bước một trong khi vác nặng, đường xa.

Giữa lúc thành - thực làm việc, họ cũng tự biết không khỏi có những khuyết điểm cần được bổ-túc bởi những bàn tay ủng-hộ của các bậc cao minh, nhưng có khi vì hoàn-cảnh bắt buộc, vì thời-thế đầy xò, họ không thể « chờ trắng mọc rồi mới dõ dẽ » được.

Có điều đáng nói là, phái này, hoặc vì quá sốt-sắng, hoặc vì quá tham-lam ôm-dồm, không biết thu hẹp phạm-vi, chuyên-ebu vào một đường lối, thành thử có khi thất bại bởi có bề rộng mà kém bề sâu, bởi không chuyên-môn mà lạc - lỏng sang địa-hạt không hợp với sở-nặng mình!

Phái « thái-quá ». — Trong bài « Lập ngôn » ở kỳ trước (T.T. số 138), tôi có lạm bình rằng ngày nay người ta lại mắc phải cái bệnh « thái-quá ! »

« Thái quá » là đối với « bất cập » mà nói. Ngày xưa các cụ càng khiêm-thoái bao nhiêu, ngày nay,

có một hạng người lại càng « lên mình » bấy nhiêu. Ngày xưa các cụ càng cần thận-trì-trọng bao nhiêu, ngày nay có một hạng người lại càng cầu-thả khinh-suất bấy nhiêu. Ngày xưa các cụ sợ làm sách bao nhiêu, ngày nay có một hạng người lại sinh trước thuật bấy nhiêu.

*Ơ nhà, chân chửa ra đường,
Lại toan ngang dọc bốn phương
giang hồ !*

*Lại còn văn học lên câu,
Bệnh mê truyện quái, lòng du
sách tình ;
Tinh-thần mê-mẩn trong nình,
Bao nhiêu ý khí sinh-
bình cũng tiêu !...*

Trích bài « Cáo hủ lậu văn diễn Âm » (Bản dịch của Ngô Vi Lâm bằng chữ nôm đăng ở *Đông cổ tùng báo* số 808, ngày 11 juillet 1907, trang 231-232).

Thấy từ sách Quốc-văn đang trống-ống, bên cầu đang kêu - gọi bồn-rung, lại thấy mấy phải trên đây hoặc thận-trọng chưa cụ-lam, hoặc dõ-dặt trong khi viết, họ liền xoay ngay thủ-đoạn « dẫu cơ »: cho ra những sách chỉ choáng lộn ở cái nhan đề, hoặc lờ - lợt ở chỗ luân-thức bằng cách ăn-loát công-phu, tính bày ki-éo-léo đẹp-dẽ. Họ háo hức muốn thu lấy cái cận-hiệu là lừa - gạt một số độc giả dễ tin để hòng đạt được cái mộng tưởng bay lâu ngấp nghé lâu lâu vinh - quang, đứng ngang hàng với Nguyễn

Trãi, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Ôn-như-hầu, Nguyễn Huy-Từ, Nguyễn công Trứ chẳng hạn... Nhưng nào có nghĩ: một khi sách (Xem tiếp trang 21)

Tùy hứng

Chiều quê

*Đồng vắng nóng phũ, đồ vắng khách,
Làng chiều máy tỏa lướt màn sương.
Cây soi gương nước lìm dư ảnh
Máy động lòng sông nhớ viễn phương
Miếu cũ âm thầm bên cỏ thụ,
Tre già thoi thóp dưới tà dương,
Ngâm nga mục tử về thôn vắng,
Vai nặng hoàng-hôn mỗi bước đường.*

Bà VĂN ĐÀI



Phú đặc Tu là cõi phúc (1)

(hạn vần tu).

*Cuộc thế hoang-mung, cát, bụi mù,
Tìm đâu cõi phúc liệu đường tu.
Gieo nhân quên tránh mầm oan-trái,
Kết quả gầy nên mối oán-thù ?
Giọt nước cảnh-đương tiêu nghiệp-
chương,*

*Tấm thân thoát tục nhẹ vân-đâu.
Nước non ai muốn tìm ta hỏi :
Một mảnh lòng băng tại ngọc-hồ.*

BẠCH DIỆP

1) Đầu đề thi thơ của hội K. T. T. Đ.

Hạng này hình như « phải lại » cái bệnh trước đây hàng 37 năm đã nhiều người mắc :

« ...Khỏi làng, mắt chửa thấy
xa,

*Lại toan mãi-mỉa hai nhà
Khang (1) Lương (2) !*

1) Khang Hữu-Vi.

2) Lương Khải-Siêu.

Dịch thơ Đường

Nguyên văn chữ hán

ĐĂNG LÂM

花近高楼傷客心

Hoa cận cao lâu thương khách tâm

萬方多難此登臨

Vạn phương đa nạn thử đăng lâm

錦江春色來天地

Cầm-giang xuân sắc lai thiên địa

玉壘浮雲變古今

Ngọc-lũy phù vân biến cổ kim

北極朝廷終不改

Bắc cực triều đình chung bất cải

西山寇盜莫相侵

Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm

可憐後主遺祠廟

Khả liên Hậu chủ di từ miếu,

日暮聊爲梁父吟

Nhật mộ liên vi Lương-phủ ngâm.

ĐỖ PHỦ

Giải thích

Bài thơ này, nhà thơ Đỗ Phủ làm khi phiêu linh ở đất Thục. Bấy giờ đương đời vua Đường

Đại-tôn niên biểu Quảng đức, giặc Thổ-phồn ở miền tây vào hãm kinh-sư, vua phải chạy lánh vào Thiểm-châu. Ông ở trong Thục, tuy không dự vào quốc-chính nhưng lòng vẫn tưởng mến triều đình, nhân khi trèo lên lầu cao, cảm xúc mà làm ra bài này. Lời tác nói mình đứng ở trên lầu cao, trông thấy hoa nở bên lầu, lòng thêm thương cảm, bởi vì mình lên lầu đây vào lúc muôn phương loạn lạc rối ren. Kìa màu xuân ở trên sông Gấm đem cả trời đất về, nọ mây nổi ở núi Ngọc-lũy tan hợp không thương, biến đổi cả trở đời kim cổ. Nghĩ cái triều đình Bắc-cực kia, dù sao thì vẫn hãy còn chứ không ai dễ thay đổi được, vậy những giặc cướp ở miền Tây-sơn chớ nên lấn càn. Hèn yếu đáng thương như vua Hậu-chủ nhà Hán mà miếu đền cũng vẫn còn kia, bởi vậy ta càng mong ước bậc vương-tá như là Gia-cát Không-Minh đã giúp Hậu-chủ khi xưa; ngày chiều ngâm khúc Lương phủ của Không-Minh vẫn ngâm, chính là vì có tấm lòng mong ước ấy.

Chú dẫn

Sông Gấm tức là sông Trại-cầm (giặt gấm) ở đất Thục (Tứ-xuyên). Núi Ngọc-lũy cũng ở đất Thục. Sông và núi này đều là

những cảnh đứng ở trên lầu trông thấy.

Bắc-cực tức như Bắc-thần, chứ dùng để trở vào cái triều đình mà người ta thừa nhận là chân chính.

Giặc cướp Tây-sơn chẳng những trở vào giặc Thổ-phồn, cũng trở chung vào những bọn giặc Đoàn Tử-Chương, Từ Tri-Đạo bấy giờ nữa.

Vua Hậu-chủ nhà Hán tin dùng kẻ hoạn-quan Hoàng-Hạo để gây nên loạn, ở đây tác-giả có ý noi mánh vua Đại-tôn cũng tin dùng bọn hoạn-quan Trình Nguyên-Chấn, Ngự Triều-Ân. Đền vua Hậu-chủ cũng là một cảnh trông thấy khi đứng ở trên lầu.

Lương phủ-ngâm là một khúc hát mà Không-minh vẫn thường hay hát khi còn cây ruộng chưa ra giúp việc thiên hạ.

Dịch ra thơ

Thương tâm hoa nở bên lầu,
Bốn phương loạn lạc óm sầu
lên đây.

Sắc xuân sông Gấm phớt bầy,
Làn mây Ngọc-lũy đổi thay
trò đời.

Triều đình Bắc-cực cao ngời,
Tây-sơn giặc già loi loi
không lâu.

Miếu đền Hậu-chủ kia đâu,
Chiều hôm « Lương phủ » ngâm
câu cảm hoài.

TRÚC KHÊ

BIA VĂN-MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỆ TRIỀU LÊ

Số 78

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Khoa-kỹ mùi 1499 tả năm thứ hai hiệu Cảnh-thống đời Lê Hiến-tông (1497-1504), có 24 ông, đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân:

1. — **Hoàng-Trường**, người làng Bình-lỗ, huyện La-giang (Đặng khoa bị khảo, quyền Nghệ-an, tờ 19 b, chép là xã Bình-hồ, huyện La-sơn), phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Tên tự là Nhất-thanh, tên hiệu là Lỗ-hiến. Đỗ năm 33 tuổi, ứng-chế đỗ thứ nhất. Làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-lang, tham coi việc viện Hàn-lâm (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 a).

2. — **Vũ-thận-Trình**, người huyện Đông-an. Đỗ năm 36 tuổi (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 a).

3. — **Tăng-văn-Sán**, người làng Mỗ-đoàn (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 45 b, chép là xã Hương-quất), huyện Tứ-kỷ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-duong. Thi hương đỗ giải-nguyên. Năm 47 tuổi đỗ nhị giáp khoa kỹ-mùi 1499. Làm quan với Mạc, đến Lễ-bộ thượng-thư, tri sĩ, thọ 76 tuổi (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 a).

4. — **Nguyễn-trí-Tri**, người làng Nãi-dương, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an (Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Làm quan đến Lễ-bộ hữu-thị-lang, tri sĩ, thọ 92 tuổi (Đặng khoa bị khảo, quyền Kinh-bắc, tờ 96 a-b; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 a).

5. — **Vũ-đạo-Quang**, người làng Trung-lập, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-duong. Làm quan đến chuyên-vận-sứ (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 a; Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 3 a).

6. — **Quách-văn-Tảo**, người làng Quỳnh-bội, huyện Gia-dịnh, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 34 tuổi. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (thừa-viên-sứ), tri sĩ, thọ 80 tuổi (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 b; Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 111 b).

7. — **Phan-dinh-Tá**, người làng Phú-lưu, huyện Thiên-lộ, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Đỗ năm 32 tuổi. Trong đời Quang-thiệu (1516-1526) thăng thừa-chánh-sứ Nghệ-an; sau vì là người bản-sứ, dời đi Kinh-bắc. Vua sai thừa-chánh-sứ Kinh-bắc là Phạm-khiêm-Bình vào thay, ông Phan đi về quê không chịu đi, cùng Phạm-khiêm-Bình làm việc quan ở trấn Nghệ-an. Lúc ấy trong nước sắp loạn, quyền-chính không nghiêm. Trong đời Thống-nguyên (1522-1527) ông được thăng Lại-bộ thượng-thư. Cung-hoàng sai ông đem sách phong cho Mạc-dăng-Dung làm An-hung-vương. Đến khi Đặng-Dùng tiến ngôi ông khuất thân phụng thờ, được phong tước hầu (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 b, chép ông được lược Lan-chân-bá, theo nguy-Mạc làm tước chiếu nhường ngôi). Về già biết hối, xin về ở làng (Đặng khoa bị khảo, q. Nghệ-an, tờ 3 a b).

8. — **Bùi-lĩnh-Tá**, người làng Đặng-xá, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu (nay thuộc Hưng-yên), trấn Sơn-nam. Đỗ năm 35 tuổi. Làm quan đến đô-cấp-sứ trung, tri sĩ (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 b; Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 68 b).

9. — **Nguyễn-tử-Đỗ**, người làng Lê-đông, huyện Ý-yên, phủ Nghĩa-hung (nay thuộc Nam-dịnh), trấn Sơn-nam. Đỗ năm 36 tuổi. Làm quan đến phó - đô - ngự - sử (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 102 a).

10. — **Đỗ - Mân**, người làng Ông-mặc, huyện Đông-ngân, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ năm 48 tuổi. Làm quan đến thừa-chánh-sứ, tri sĩ (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 b; Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 92 a).

11. — **Nguyễn - bá - Tuấn**, người làng Đại-lạc, huyện Vũ-ninh, trấn Kinh-bắc. Dời tên là Nguyễn - bá - Thuyên. Năm mậu-thìn 1508 hiệu Đoan-khánh, đang làm quan Thanh-hoa tổng-binh, thiên-sứ, theo Lê-Tương-đực, đỗ (1509-1516) đề khởi binh, có công, được thăng Lễ-bộ thượng-thư, trước Do-lỗ-bá, gia hàm Thiếu-bảo. Sau có loạn Trần-Cảo, bốn phương nổi dậy, vua Lê-Chiều-lông (1516-1516) sai đi chiêu-tập các huyện trong phủ Từ-sơn, ông về đến Quế-duong thì mất (Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 7 a; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 47 b; Khâm-dịnh Việt-sử, q. 26, tờ 1 b).

12. — **Đỗ-dinh-Huân**, người làng Mĩ-huê, huyện Tứ-kỷ, phủ Hạ-lông, tỉnh Hải-duong. Làm quan đến Thừa-thiên phủ - doãn-hu. Là em ruột Đỗ-dung-Kiểm, đỗ nhị giáp khoa 1490: hai anh em cùng đỗ chính-bảng, cùng làm quan một triều (chính-bảng của triều Lê là nhất giáp, nhị giáp; về triều Nguyễn, tam-giáp cũng gọi là chính-bảng) (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 44 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

GỐC TÍCH THÀNH HUẾ

(nổi bài đăng ở số 132 ra ngày 2 Mars 1944)

Ứng-hóa NGUYỄN-VAN-TỔ

Suốt đời Tấn (265-419 sau T.-C.) thành Huế là đất Lâm-ấp (tức Chiêm-thành). Năm Đại-nghị thứ nhất (605) nhà Tùy dời làm quận Tị-cảnh, cuối đời Tùy (617) lại mất về Lâm-ấp (*Khâm-định Việt-sử*, chính-biên, quyển 21, tờ 23 a). Đến đầu đời Đường (618) dời làm châu Lâm, châu Cảnh, rồi lại mất về Lâm-ấp (*Hoàng-Việt địa-dư*, tờ 1 a). Trong đời Trinh-quân (627-649) dời làm châu Nam-cảnh (*K. d.*, q. 21, tờ 23 a). Đến đời Tống (960-1276) đất Huế lại về nước Chiêm-thành (*K. d.*, q. 21, tờ 23 a, và *Hoàng-Việt địa dư*, tờ 1 a).

Năm 1069, vua Lý Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành, vua Chiêm-thành dâng ba châu: Địa-lý, Ma-linh và Bồ-chánh để chuộc tội. Địa-lý nay là phủ Quảng-ninh ở tỉnh Quảng-bình. Ma-linh nay là huyện Minh-linh và Đa-linh ở tỉnh Quảng-trị. Bồ-chánh nay là huyện Bình-chánh, Minh-chánh và Bồ-trạch ở tỉnh Quảng-bình (*K. d.*, q. 13, tờ 28 a 29 b; L. Cadrière, *Géographie historique du Quảng-bình, Les lieux historiques du Quảng-bình, Monuments et souvenirs chams du Quảng-trị et du Thừa-thiên*, v. v., đăng ở tập kỷ-yêu trường Bắc-cử).

Năm 1075, vua Lý Nhân-tông sai Lý-ti-ương-Kiệt vẽ hình-thế núi sông ba châu Địa-lý Ma-linh và Bồ-chánh, rồi dời châu Địa-lý làm châu Lâm-bình, châu Ma-linh làm

châu Minh-linh, chiêu dân đến ở (*K. d.*, q. 3, tờ 34 b). Năm 1103 vua Chiêm-thành là Chế-ma-na (Jaya Indravarman II) lấy lại đất ba châu. Năm 1104 Lý-thường-Kiệt dẹp được, Chế-ma-na lại phải trả lại.

Năm 1306, vua Trần Anh-tông gả Huyền-chân cho vua Chiêm là Chế-mân (Jaya Simhavarman II). Chế-mân dâng đất châu Ô châu Lý làm sinh-lễ (*K. d.*, q. 8, tờ 43 b, và *Hoàng-Việt địa-dư*, tờ 1 a). Năm 1307, vua Trần dời châu Ô châu Lý làm châu Thuận, châu Hóa, sai hành-khiển là Đoàn-nhữ-Hải đi biểu-dụ âm-dức (*K. d.*, q. 8, tờ 44 a-b). Châu Thuận là huyện Đăng-xương, Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị, và huyện Phong-diễn, Quảng-diền, Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên ngày nay. Châu Hóa là huyện Phú lộc, Phú-vang tỉnh Thừa-thiên, và huyện Dâu-phước, Hòa-vang tỉnh Quảng-nam ngày nay (*K. d.*, q. 1, tờ 28 a).

Năm 1375, vua Trần Duệ-tông dời phủ Lâm-bình (Địa-lý cũ) làm phủ Tân-bình (*K. d.*, q. 10, tờ 36 b). Năm 1414, nước ta nội thuộc nhà Minh, người Tàu đặt làm hai phủ Tân-bình và Thuận-hóa (*K. d.*, q. 12, tờ 40 b-41 a). Đầu đời Lê (1428) dời làm lộ Tân-bình, Thuận-hóa, thuộc đạo Hải-lý. Năm Quang-thuận thứ bảy (1466) làm Thuận-hóa thừa-tuyên, coi hai phủ, bảy huyện, bốn châu. *Hoàng-Việt địa-dư* (tờ 1 b) nói « Thuận-hóa

bấy giờ phía tây giáp Ai-lao, phía đông giáp bèo, phía nam giáp Quảng-nam, phía bắc giáp Nghệ-an, Hoành-sơn liền dãy làm thành, sông lớn chắn ngang làm cõi. Núi cao bề rộng, thực là một nước có thể hiểm trở tự giới cho. Từ Lý Trần đến đây, phong-hội chưa khai-thông, tục phác-dã mà quê mùa, dân ít-ỏi mà vắng-vẻ, một cõi xa-vời, còn là dị-vực (cõi đất khác). Đến khi thời-giới đã đổi, vận đất mỗi ngày mỗi mới: quê mùa hóa làm anh hoa, hoang-râm hóa ra phồn-diễn, đầu đời Lê đã thành cự-trấn, sau khi trung-hưng (khoảng năm 1533-1548) thực là một cõi hùng-phiên, hơn 200 năm nay thành một đô-bộ lớn, vẫn biết là thiên vận tuần-hoàn, nhưng thực là tự phong-cảnh mỗi ngày mỗi mở-mang ».

Năm Hồng-dức thứ 21 (1490) dời làm xứ Thuận-hóa, lĩnh hai phủ Tân-bình và Thiệu-phong. Trong đời Hồng-thuận (1509-1515) gọi là trấn Thuận-hóa (*K. d.*, q. 21, tờ 24 a).

Tháng mười năm mậu-ngọ (1558) chúa Nguyễn-Hoàng (1558-1613) phụng mệnh vua Lê vào trấn Thuận-hóa: bốn hương-khúc ở huyện Tống-sơn và Nghĩa-dũng (Thanh-hóa) đều vui lòng đi theo, dựng dinh ở làng Ái-lữ (thuộc huyện Vũ-xương, nay gọi là Đăng-xương tỉnh Quảng-trị). Những quan lại bati của nhà Lê dấy ra, đều theo tiết-chế chúa Nguyễn: chúa Nguyễn võ-xe-quân dân, thu-dụng hào-khiết, bớt nhẹ sưu-thuế, lòng dân duyệt-phục. Tuổi bấy giờ gọi là Tiên-chủ (*Đại-Nam thực-lục tiền-diễn*, q. 1, tờ 6 b). Tiên-chủ gây nền cõi nam, có cả đất Thuận-hóa, đất

Quảng-nam, dời huyện Kim-trà làm huyện Hương-trà, huyện Đan-diễn làm huyện Quảng-diễn, huyện Tư-vang làm huyện Phú-vang, huyện Vũ-xương làm huyện Đăng-xương, trích một huyện Điện-bàn thăng làm phủ, cho sáp-nhập vào Quảng-nam (*Đại-Nam thực-lục*, q. 2, tờ 6 b).

Năm canh-ngọ 1570, chúa Nguyễn-Hoàng từ Tây-dô (Thanh-hoa) về Thuận-hóa, dời kinh-dô đến làng Trà-bát (Thuận-châu, thuộc huyện Đăng-xương). Năm ấy chúa Nguyễn kiêm lĩnh hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam. Thuận-hóa bấy giờ có hai phủ, chín huyện và ba châu. Phủ Tiên-bình (trước là Tân-bình) lĩnh ba huyện (Khang-lộc, Lệ-thủy và Minh-lĩnh) và một châu, là châu Bồ-chánh. Phủ Triệu-phong lĩnh sáu huyện: Vũ-xương, Hải-lăng, Quảng-diễn (trước là Đan-diễn), Hương-trà (trước là Kim-trà), Phú-vang (trước là Tư-vang), Điện-bàn, và hai châu là châu Thuận-bình và châu Sa-bôi (*Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, q. 1, tờ 8 a-b). Từ là Thuận-hóa khi bấy giờ rộng từ phía bắc tỉnh Quảng-bình cho đến hết phủ Điện-bàn, thuộc tỉnh Quảng-nam bấy giờ.

Năm canh-tí 1600, chúa Nguyễn-Hoàng dời kinh đến phía đông dinh Ai-lữ, lúc bấy giờ gọi là Cát-doanh (*Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, q. 1, tờ 19 b); L. Cadière, *Les résidences des rois de Cochinchine. Annam, avant Gia-long*, đăng ở *Bulletin de la Commission archéologique de l'Indochine*, 1914-1916, trang 103-185).

Tháng ba năm binh-dần 1636,

chúa Nguyễn-phúc-Nguyên (1613-1635) dời dinh đến xã Phước-yên, thuộc huyện Quảng-diễn phủ Thừa-thiên, gọi chỗ cũ ở là phủ (*Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, q. 2, tờ 9 a), lấy đất nam Bồ-chánh, đặt ra dinh Bồ-chánh, lấy sông Linh (tức sông Gianh) làm cõi; còn đất bắc Bồ-chánh thì sáp-nhập về Nghệ-an (K đ., q. 21, tờ 24 a).

Tháng 12 nămất-tỵ 1635, chúa Nguyễn-phúc-Lan (1635-1644) dời cõi phủ đến xã Kim-lông (Kim-long) thuộc huyện Hương-trà phủ Thừa-thiên. Trước kia chúa Nguyễn-phúc-Nguyên từ Cát-doanh dời đến Phước-yên; vì đất Phước-yên chật hẹp, ngài cho xã Kim-lông có hình-thế núi sông bên sai sửa-sang cung-thất, xây thành quách, đến tháng 12 năm 1635 mới dời đến *Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, q. 3, tờ 4 a) Việc này quyền Quốc-triều sử loát-yếu (q. 1, tờ 15 a) và quyền Hoàng-Việt giáp li niên-biên (q. hạ, trang 153) chép vào tháng 12 năm binh-tí 1636, thì không đúng; chính là tháng 12 năm ất-tỵ 1635 mới phải, vì tháng 10 năm 1635 chúa Nguyễn-phúc-Nguyên mất, chúa Nguyễn-phúc-Lan nối ngôi ngay tháng ấy, nhưng vẫn lấy hiệu của cha, sang năm 1636 mới gọi là nguyên-niên, cho nên các sách hay chép nhầm vào năm 1636 là năm của chúa Nguyễn-phúc-Lan (L. Cadière, *Les Européens qui ont vu le vieux Hué*, đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*).

Tháng bảy năm đinh-mão 1687, chúa Nguyễn-phúc-Trần (1687-1691) lấy phủ cũ làm miếu thờ

Thái-tông (Nguyễn-phúc-Tân), dựng phủ mới ở xã Phú-xuân, thuộc huyện Hương-trà, tức là kinh-thành Huế bấy giờ, lấy núi đằng trước làm án, tức là núi Ngự-bình bấy giờ, đắp tường, dựng đền, phía trước đào ao, trồng cây hoa, cách-thức đẹp đẽ; lại vì có dòng nước sông ở trên chảy giót về phía hữu, sai đắp đập ở bờ sông để ngăn (*Đại-Nam thực-lục*, tiền biên q. 6, tờ 4 b 5 a).

Tháng tư năm giáp-tí 1744, Nguyễn đăng Tịch dâng biểu xin chúa Nguyễn-phúc-Khoát (1738-1765) lên ngôi vương, ngài khiếm-tố, không nhận, các bày-tôi hại ba lần cố xin, ngài mới nghe. Ngày canh-tuất đức ấn quốc-vương. Trước đây giấy-má việc quan, (Xem tiếp trang 18)

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires)

của Edgar Poe

Bản dịch của Mộng Huyền

Giá 4\$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của NG. HUNG PHẤN

Giá 2\$20

TRIẾT HỌC

ARISTOTE

của NG. ANH NGHĨA

Giá 3\$80

LY GAO

của KIỀU NGUYỄN

Giá 6\$00

Bản dịch của Nhung Tống
Síp có oan

Chính Trị Đại Cương

của NG. PHƯƠNG NAM

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

29, Lam-Hoi - Hanoi

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

(1900-1940)

Số 1

LÊ-THANH

MƯỜI LĂM NĂM GIỮA HAI ẠNH - HƯỞNG HAY LÀ THỜI KỲ BÀN - GIAO CỦA HAI THỂ-HỆ

Trước khi tìm những đặc sắc của văn-học Việt-nam, xem nó phong phú thế nào, tương lai của nó sẽ ra sao, ta hãy truy-từu cái uyên nguyên của nó.

Nó được đúc chuốt bởi :

a) cái tinh thần của văn hóa Đông-phương, nói hẹp lại là cái văn-học Trung-hoa;

b) cái tinh thần của văn-hóa Tây-phương, hay là cái văn-học Pháp.

Thêm vào đây ảnh hưởng cái di-sản trí-tuệ của tiền nhân.

Trong một khoảng mười lăm năm (1915-1930) không hề cái ảnh hưởng bất di-dịch thứ ba, hai ảnh hưởng trên tranh giành nhau đề-lấy hơn kém; văn hóa Đông-phương tuy đã bị người ta rêu-rúng, đời, phần nhưng với sức-mạnh và địa-vị cố-tửu của nó, ta vẫn thấy cái tinh thần của nó phảng phất ở bất cứ một địa hạt nào, cái văn-hóa Tây-phương thì ào ào chảy mạnh như một luồng nước lũ chan hòa khắp mọi nơi.

Phân-tích tinh thần văn-hóa Đông Tây

Sùng thiên-lý, dựa vào đời sống thiên nhiên, văn-hóa Đông-phương gốc ở đạo đức và luân lý. Trời rồi đến vua-lời cha-con, vợ-chồng, anh em và bè-bạn. (ngũ luân) Cái



bản tính của nó là tĩnh và giản-dị, mục đích là mưu một cuộc đời hòa bình, không tra sự thay đổi, hưởng nhiều an lạc. Người Đông-phương, trước mọi việc ý niệm bằng trực giác, ý niệm một cách cụ-thể và tổng-quát.

Văn-hóa Tây-phương trọng sự sống, bản tính của nó là động. Ua sự chiến đấu với thiên nhiên, với người, với mình. Mục đích của nó là mưu cuộc tiến hóa về phương diện tinh thần và vật chất. Người Tây-phương, ý niệm bằng lý trí, phân tích đề đi từ các cụ-thể đến cái trừu-tượng.

Trên đây là một vài đặc tính của mỗi văn-hóa nó là những đặc-tính căn-bản của hai văn-học đông và tây; từ những đặc tính căn bản ấy, chúng tôi muốn nghiên-cứu một cách rành rẽ hơn đề sau này có thể do đó mà tìm cách rút ngắn con đường tiến hóa của văn học mình.

Văn học đông phương — đa phần là văn-học Trung-hoa — vì gốc ở đạo đức và luân lý

nên thiếu tình-thần đại đồng (1)

Tinh thần đại đồng là gì ?

Lấy thí dụ bốn câu thơ trong một bài thơ tuyệt tác của Lamartine :

« Mais pourquoi m'entraînez vers ces scènes passées »

« Laissez le vent gémir et le flot murmurer »

« Revenez, revenez ô ! mes tristes pensées ! »

« Je veux rêver et non pleurer. »

« les premiers Regrets »

Tôi nhớ đã có người dịch :

Sao lại cứ vẫn về chuyện cũ

Lặng yên cho sóng gió kêu than

Mạch sâu lại lóng khồn hàn

Muốn đem mộng cũ đẹp hàng lệ sa.

Kể dịch như thế đã gần đúng nghĩa, nhưng chỉ đúng nghĩa, còn cái tinh thần của nguyên văn, mấy câu thơ là đã hiểu là được một phần. Thiếu cái tinh thần của văn lấy vì nhà văn là đã bỏ hết những chủ-từ không dịch : « Ôi ! những ý nghĩ buồn rầu của tôi ! Sao lại cứ đem tôi lại với những chuyện cũ, người hãy để yên cho sóng gió kêu than. Người hãy giữ về đây với tôi ! Tôi muốn mộng, chứ không muốn khóc ». Những chủ-từ ấy có một quan hệ mà người dịch không ngờ, bỏ nó đi người ta đã làm mất hẳn cái tinh cách riêng của một người, của một tâm hồn, và chỉ một người và một tâm hồn thôi, trong các thơ.

Vì những chữ tôi ấy, người đọc thơ tưởng chính mình là chủ động, những tình cảm giải trong thơ chính là tình cảm của mình.

Trái lại, đọc bốn câu thơ dịch của ta, tôi nhận thấy cái đặc sắc « phi-ngã » của nó. Ai vẫn vô chuyện cũ, ai muốn đề yêu cho sông gió kêu than, mạch máu của ai, ai muốn đem mộng cũ đẹp hàng lệ sa? Tôi không biết (2). Đọc lên, nếu tôi không phải là thi-sĩ, tôi chỉ biết vai chủ-động không phải là tôi mà là một người có cái tâm hồn tinh tế hơn tôi, thể thôi.

Tôi có thể tri h ra đây nhiều thí dụ nữa, những thí dụ nó tỏ rằng nhà văn Việt nam, hay là nhà văn Đông phương cũng vậy, trong khi làm văn cố ý tránh việc đem cái tôi ra giải trên trang giấy, làm thế nào khi người đọc văn của mình có cảm tưởng rằng người làm văn không phải mình, người đọc văn ấy tưởng vai chủ-động trong văn chương cũng không phải mình mà là một người khác mình ở tài chí hoặc tình cảm. Vì cái đặc tính ấy, người ta bảo rằng văn học Đông phương thiếu tinh thần đại đồng.

Nói thế thì hình như là một sự vô lý vì tinh thần đại đồng là cái bản thể của nhân loại. Mỗi một người đều mang hình thức và tính tình của cả loài người. Anh sung sướng thì anh cười, anh reo; anh tuyệt vọng về tình thì anh than, anh khóc. Tôi cũng thế, và đã là người thì ai cũng thế.

Nhưng đó là sự thật. Bởi vì văn học của Đông phương, như đã nói trên, ở ở đạo đức và luân lý, mà đạo đức và luân lý Đông phương không tha thứ cho nó. Ngay dù người ấy là nhà văn, hay đem cái bản năng của mình, hay

những niềm tâm sự của mình (như như Victor Hugo viết tiểu thuyết « những kẻ khổ nạn » (les Misérables). Vì vậy, văn chương đầy xung quanh bản là của những ai có cái phải của bản và những người như bản đầu.

Trái lại, ở văn học Pháp, đọc một tác phẩm là ta thấy có cái tình thần đại đồng. Những nhà văn lãng mạn: Chateaubriand viết René, Lamartine viết « Graziella », Hugo « Les Misérables », cho đến cả những nhà văn cổ-điển Racine, Corneille — tuy Corneille vẫn có tiếng là nhà văn chỉ sáng tác những siêu-nhân — đọc tác-phẩm nào cũng cảm thấy cái tình nhân-loại, cái tình thần đại-dồng.

Cũng vì cái « gốc ở đạo đức và luân lý » — mà luân lý thì gồm trong năm « đạo thường » là vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè, — nên văn học Đông phương có tính thần đặc biệt là thiên về chủ-quan.

(Còn nữa)
LÊ-TUÂN

HỌA BÀI « NGẪU ĐỀ »

của Bà Văn Đài

(T T. số Thi Ca tập ba 135)

Cuộc đời là lụy tự nhàn xưa
Cái giấc Nam khu đã quá trưa
Mù mịt đường mây khi nổi gió
Lênh đênh bề ai lúc sa vữa
Ai cười lầm chết tư còn vương
Ai khóc hoa tàn cánh vấy như
Trăm khéo nghìn khôn vào một lụy
Khóc cười chung một tiếng ơ hồ

CÁCH CHỈ

Ngẫu thành

(Dịch thơ Nguyễn Trãi)

Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư,
Giác lai vạn sự tông thành hư.
Như kim chỉ ái sơn trung trụ.
Kể ỨC hoa biên độc phụ thư.

Dịch:

Trên đời một giấc kẻ vàng,
Tỉnh ra sự vật muốn vắn ra tro.
Trong non chỉ những hẹn hò,
Dựng lầu bên khóm đọc pho sách nhá!

Thi-Nham ĐINH GIA THUYẾT

nói rộng ra là cái bản năng của loài người tỏ ra một cách « thực thà và trơ trẽn ». Nó cũng không công nhận một nhà văn — là đúng lý phải có một cái tâm hồn trong trẻo — đóng vai một kẻ hạ cấp, tả cái đời sống của bản, giải

1) Về tinh thần đại đồng và tình thần khúc triết của hai văn học Đông và Tây đọc bài « Hoa-văn và Pháp văn không gặp nhau ở chỗ nào » mà ông Lê Xuân đăng trong báo Tin văn số 14 ngày 6-11-1935. Chúng tôi đã rút lại liệu trong bài này

2) Hoặc chỉ đoán một biết.

Thăm dấu người xưa : Cổ Lê vong thần

Lê-Quỳnh

(1750-1805)

Số 3

TIÊN-ĐÀM

Tháng tám, từ cửa ải đến châu Nam-ninh, đến tháng chín, được lệnh của quan Quảng-tây Tả-giang đạo Tống Văn Hình dụ nên róc tóc cải trang cho tạm yên.

Bọn Lê-Quỳnh bày tỏ chí nguyện cốt mong chờ Phúc khang An, chứ không phải mong tỵ nạn chạy; tuy được lượng trên dung nạp, song bản tâm không muốn được thế. Nếu quả đã phong cho Nguyễn Huệ rồi thì bọn Lê Quỳnh xin lui về, nguyện làm Nghiêm tướng-quân đầu vạy.

Quan chức tàu lại hứa cho được phục thù nhưng vẫn khuyên cắt tóc, cả bọn nhất quyết không nghe.

Thấy thế, quan Hữu-giang đạo bức bách bọn Lê Quỳnh hai ba lần nữa rồi bắt chia ra ở mỗi người một nơi, duy có Lê Quỳnh. Hiệp-trấn Nguyễn Mậu Nỗ, Tri phủ Nguyễn Tùy, Trịnh Hiến, chỉ huy sứ Siêu lĩnh bá Lê Trĩ, Hàn lâm cung phụng Lý Bình Đạo quyết lòng kháng nghị đến chết. Quan Đạo-dài thấy không ép được mấy người ấy, bèn đem những bọn đã bị cắt tóc đến an trí ở khánh-viên phủ. Ngày 21, tháng chín, Nguyễn Tùy bị bệnh chết ở Ninh-minh.

Đến tháng 10 nhà Thanh cho đưa bọn Lê Quỳnh năm người đến Liễu châu ngày 22 tháng ấy. Nguyễn

Mậu Nỗ ốm chết ở Liễu châu, còn Lê Quỳnh với ba người tìm sang Ngõ-châu yết kiến Phúc-khang-An trình bày tình cảnh gửi chân, thời vừa được tin Nguyễn-Huệ đã thâu thành, nộp cống, và Phúc-khang-An đã thụ hàng, lại tiếp ý chỉ của vua nhà Thanh như sau đây : « Các người sao dám nêu lên hai chữ cương thường mưu sự giao-hoạt, cớ hoặc lòng người, trái với ý định của Thiên-triều ? »

Lúc ấy không có người thông ngôn. Bọn Lê Quỳnh lấy giấy bút đáp lại rằng : Trộm nghe Thánh-nhân chế ra lễ để phòng-phạm nhân-tâm. Lễ không gì lớn bằng phận, phận không gì lớn hơn danh. Nay xét Nguyễn Huệ cường thịnh, phận nên được, lại được chân phong, đề tuyên chính danh vị, bọn Lê Quỳnh há dám vì danh mà phạm đến phận sao ? Song vạy hưng-phế từ cớ vốn thế, mà cương thường thì cớ kim không khác, bọn Lê Quỳnh thờ họ Lê, chẳng may nước mất, vua chạy, song hết sức chân tay, bày lòng trung nghĩa, như Trương Lương phụng nhà Hán, Bao-Tư khốc sơn Tần, cớ nhân từ làm, nay bọn Lê Quỳnh này vì nước cũng theo thánh giáo và thuận nhân tình vạy ». Lệnh trên dụ : đã đến đây thì ở chờ Trung-đường (tức Phúc khang An) lâu

lên, sẽ theo như Phan Khải Đức mà thu dụng ».

Bọn Lê Quỳnh liền trần tình rằng Phan Khải Đức là người của họ Nguyễn (tức Tây-sơn) theo hàng, không có nổi quân án phải báo, chỉ mong lập công danh, nên có thể biện dụng thế được, còn bọn Lê Quỳnh là cô thân của Lê thì không thể bị như Phan Khải Đức được. Nay cho ở nội địa không phải là ý nguyện, đối với quốc sự chẳng dám nói đến là chẳng trung; bỏ gia-nghiệp không trông nom là bất hiếu, phụ kẻ đồng tâm tuần quốc là bất nghĩa, quên kẻ có quả mong mồi là bất nhân, vì nước hóa thành bán nước, dìm thân hóa ra ăn thân là bất dũng, kiêm cả sáu điều ấy sao đáng làm người. Trung quốc tuy rộng, nhưng không có nơi dung lượng cầu-trệ thế được.

Vả lại bọn Lê Quỳnh không mong sang đây lánh nạn, hưởng chỉ lại không phải tự vượt bể, qua quan ải sang đây, mà là do lệnh tuyên triệu, nay lại không cho về, và bắt ở chốn này làm nơi giam lỏng, làm nơi sống chết nếu bất theo mệnh lệnh tức như tồ đã vỡ trứng cũng chẳng lành, Lê thì không khỏi phục được, đành xin cho được chết ở nơi đất cũ để tỏ tấm lòng trung; nên đề cho chết ở đây thì không khỏi phụ lòng toàn-sinh của bề trên vạy. »

Ở chờ ít lâu, lại được dự-đã tâu trình và khuyên nên sang Quế-lâm phủ đợi lệnh.

Tháng chạp, đến Quế-lâm, cuối tháng lại sang Quảng-Đông tỉnh thành.

Năm Canh-tuất (1790) tháng giêng, nghe tin quốc vương ở Quế-lâm, phụng mệnh theo đường Quảng-tây tiến kinh; Lê Quỳnh cũng theo đường Quảng đông qua Giang-lây tiến kinh; tháng ba đến Duyên châu, nghe xa giá sang-đông, lại đi sang Thái an hành-cung; quan Trung-đường xét hỏi, đến ngày mồng 4 được dẫn kiến và dụ rằng: « Bọn người không lấy thình suy làm thay đổi, hết lòng trung nghĩa, trấn không nỡ gia tội (!) lại được quan-cơ đại thần (Hoà-Thân?) bảo tấu: bọn người tiến không làm được Bao-Tur, thoát tất bị Nguyễn Huệ làm hại, tình đáng thương hại, hãy đến kinh đô rồi về cố lý sau ».

Ngày 23, sang Hình bộ, cho ra ở Lôi-thần miếu, lại được quan Trung-đường dụ bảo róc tóc và thay đổi tên họ, dụ rằng: « Chủ các người đã được chức quan Tam-phẩm, cũng cho các người ngũ, lục phẩm, các người đã bằng lòng chưa? »

Bọn Lê Quỳnh trình: « Hiếu trung khó vẹn, nay nghĩa trung quân chẳng được, xin lui về cố quốc, còn cha mẹ già, chưa còn nối dõi để giữ chữ hiếu vậy. Nếu nay vâng lệnh ở lại, trung hiếu đều lỏng cả, thì thật là phượng cầu trệ! Thiên triều còn dùng làm gì hạng người ấy mà ban cho quan chức? Trộm nghĩ: quan duy hiền, sự duy năng, trước đề đền công, lộc đề khuyến trung, bọn Lê Quỳnh này không hay ưu nan cho chủ, không những phi hiếu, phi năng lại vô công và bất trung, vậy nay chịu tước đột là điều không dám và cũng không mong ».

Lại dụ rằng: « Chủ người ở đây, các người không theo, có là trung không? »

Quan lại nhà Thanh lại lấy danh nghĩa cổ chủ mà khuyên nên róc tóc, Lê Quỳnh khóc nói: « Bọn Lê Quỳnh sống làm tôi Lê, chết làm quỷ Lê, không dám mong khác, dù lệnh chủ nữa, song là lệnh bên ngoài, thâm-tâm không thế, Quỳnh nguyện theo tâm-mệnh mà thôi ».

Đỗ mãi không được, lệnh trên lại sai sang Hình bộ giam cầm chia mỗi nơi hai người, không được thông tin.

Đến tháng sau, lại sai bọn Đinh Nhạ Hành, Nguyễn quốc Đống vào ngục khuyên nên róc tóc. Lê Quỳnh nói rõ bên lòng giữ tiết thờ vua không sao lay chuyển, bọn Nhạ Hành đành phải bỏ đi.

Tháng một, quan coi quản Hoàng Kỳ đem con Lê Quỳnh là Lê đoãn Kim vào ngục cùng với quan Hình bộ khuyên Lê Quỳnh róc tóc, Quỳnh nhất quyết không nghe và đuổi con về.

Tháng chạp, thượng-thư Hồ Quý-Đường truyền rằng: « Nếu không chịu róc tóc thì giã dờ ở trong ngục. » Lê Quỳnh nhất định không nghe, lại bị giam cầm 4 người một chỗ.

Năm Tân-hợi (1791) được tin quốc vương ở Đông - thành gần Quốc-tử-giám. Lê Quỳnh nhờ quan coi quản Hoàng - Kỳ vay dúp; tháng ba, Nguyễn quốc Đống mang cho tiền lẻ, song đến ngục bị nghiêm cấm không vào được.

Tháng sáu, được tin các bầy tôi cũ đều bị phát vắng an trí, Hoàng Ich Hiền đi Y-lê, Phạm như-Tùng đi Hắc-long-giang, Ng. quốc Đống đi Cát-lâm, Lê Hán đi Phụng - thên, còn Nguyễn hữu Liên Nguyễn viết Triệu đi Nhi-t

hà, tin tức không sao thông nhau được.

Năm Nhâm-tý (1792) tháng năm, quan Quan-cơ đại thần cho đòi Lê Quỳnh vào Nội vụ phủ hỏi rằng: « Người nói rằng hợp đồng chỉ để khỏi phục, nay đồng chỉ có bao người, như thế cổ chủ là Lê duy-Kỳ có nên thờ nữa không? » Quỳnh đáp: « Là Lê làm vua hơn 400 năm, thâm ân hậu trạch, dân rất đội ơn, nay Thiên triều nêu nghĩa phủ Lê, người nước đều là đồng chí, cổ chủ sang Bắc, Quỳnh ở nhà triệu tập xưu-thần, thế tộc, thờ bả, cũng không phải ít, đến nay đã hơn 3 năm lâu cũng là thiên mệnh, lòng dạ dỗi thay thật không dám quyết đến nay còn lại bao người. Đến như em cổ chủ nay còn giữ một phương chống với Nguyễn thị (Tây sơn) xong chỉ sợ kê nông, sức cạn, không biết có tránh khỏi họ Nguyễn (Tây-sơn) diệt không! »

Năm Quý-sửu (1793) quan Hình-bộ lại hỏi về Lê-duy-Vụ, Hoàng-văn-Tương, Nông Phúc Tân là ai, nhân lại nhắc đến chuyện khuyên róc tóc, Lê Quỳnh đáp; nay 7 năm đã qua, việc cũ không thường mãi đầu đã bạc, vậy xin lượng hải hà cho được nguyên vẹn về nước thì dù thịt nát xương tan cũng không giám quên ơn.

Năm đinh-tị (1797) tháng chạp, nhân thấy quan coi ngục là Hoàng-lão-Gia có lòng ưu đãi, Lê Quỳnh làm giấy kêu, đại ý nói mong lượng trên xét tấm lòng kẻ cớ thần vong quốc, 8 năm bị giam ở ngục, chỉ mong giữ được tiết đối với cổ chủ, không phải hạng vong ân bội nghĩa tư đồ danh lợi hay là lạng lắt lạng lạng vong mạng.

Năm Kỷ-vi (1799), tháng giêng, ngồi nội mệnh trong ngục cảm (Xem tiếp trang 14)

ĐAN-THIỆM

Các người đừng vọng-dộng. Đờ Hoàng-hậu nài nỉ.

VIÊN TƯỚNG chỉ-huy

Hoàng-hậu, ông coi như mớ tép. Hoàng-hậu, mớ mắt ra chết khiếp rú :

— Trời ơi ! quân giặc ! Ôi thần thượng (nắc chết) Thiếp theo đây, Hoàng-hậu chết

VIÊN TƯỚNG chỉ-huy

Quân bay vào bắt lũ cung-nữ trước.

Bọn CUNG-NỮ quý xuống.

Trăm lạy tướng quân, chúng tôi không có tội gì. Xin tha cho ! Thán (h) em không dám tiếc.

Viên tướng (Ngắm nhan sắc bọn cung nữ.) Ta vâng tướng lệnh vào bắt các người.

KIM-PHƯỢNG

Chị em chúng tôi không có tội gì. Xin tướng quân sinh phúc. Nguyên xin rằng khẩn sửa tui. (Đan-Thiền bấu môi thở dài) Kẽ đầu tui hay sức-siêm vua là á kìa (chỉ Đan-Thiền) Chính nó mà hoặc vua. Chính nó đan-diu với Vũ-như-Tô, làm uế tập nơi cung cấm. Chính nó là thủ phạm.

Bọn CUNG-NỮ

Chính nó là thủ phạm !

ĐAN-THIỆM

Lũ yêu-quái, không được đặt đề nên nhời, tướng quân nên thấu cho. Tôi không sợ chết, nguyên xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính, tôi nói thế không hề với quý thân hai vai, không hề với thanh thiên bạch nhật.

Bọn CUNG-NỮ

Chính con Đan-Thiền là thủ phạm.

Trông họ lẳng lơ. Bọn quân giặc như bị quấy rầy.

VIÊN-TƯỚNG chỉ huy

Ta đã biết ! Quân bay vào bắt lấy gian phu, dâm-phu này uế miến đường.

ĐAN-THIỆM

Tướng-quân không nên mê hoặc.

VŨ-NHƯ-TÔ

Giết tui cứ giết, nhưng đừng nghĩ rắp.

ĐAN-THIỆM

Tướng-quân nghe tui. Bao nhiêu tội, tui xin chịu hết. Nhưng xin tướng-quân tha cho Vũ tiên-sinh. Tiên-sinh là một người tài...

Quân giặc cười ầm.

Thế mà còn mớ mồm cãi. Mày chết để chồng mày sống à ?

ĐAN-THIỆM

Các người chỉ nghĩ những điều quay quắt.

QUÂN-GIÁC

Chớ ông chỉ có thế. con đi già cảm miêng.

VIÊN-TƯỚNG chỉ huy

Trời cõ nó lại.

ĐAN-THIỆM quý xuống

Tướng-quân tha cho Vũ tiên-sinh. Nước ta còn cần nhiều thợ tài để tô diêm.

VIÊN-TƯỚNG cười ha ha

Cần thợ tài để tô-diêm. Đề hạo hực công khổ, đề dân gian làm than.

VŨ-NHƯ-TÔ

Đan-Thiền, bà đứng dậy. Sao bà lần-thần thế, hạ thân lạy một đũa tiều nhân ?

ĐAN-THIỆM đứng dậy

Tướng-quân hãy nghe tui, đừng phạm vào tội ác. Đừng giết Vũ-như-Tô. Kéo tướng quân mang hận về muôn đời ! Tha cho Vũ tiên-sinh. Tôi xin vui lòng chịu chết.

VIÊN-TƯỚNG truyền

Trời cõ con đi già lại

Kịch lịch sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

ĐAN-THIỆM

Tướng-quân tha...

QUÂN-GIÁC xúm vào trời nắng

Đừng nói nữa vô ích, con dâm phu.

ĐAN-THIỆM

... tha cho Vũ tiên-sinh, Viên-tướng tui ấy Như-Tô chạy lại: Trời thăng Vũ-như-Tô lại. Quân sĩ xông vào trời chẳng có về đặc ý.

ĐAN-THIỆM thất vọng

Vũ tiên-sinh, chỉ tại tiên-sinh không nghe tui, dùng đảng mãi. Bây giờ... (nói với viên tướng) xin tướng quân...

VIÊN-TƯỚNG

Dẫn nó đi, không cho nó nói nhảm-nửa, rơm rai.

Quân sĩ dẫn nàng ra.

ĐAN-THIỆM

Vũ tiên-sinh ! Đai lớn tan tành ! Tiên-sinh ơi ! xin cùng tiên-sinh vĩnh biệt.

Họ kéo nàng ra tàn nhẫn.

Cảnh VIII

Những người trên, trừ Đan-thiền.

VŨ-NHƯ-TÔ

Xin đa tạ tấm lòng tri-kỷ. Đan-Thiền, xin cùng bà vĩnh biệt (buồn rầu chán tui ngay). Đối ta chưa tận, Mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ-dại để tạ lòng tri-kỷ.

Viên tướng chỉ bọn cung-nữ bảo mấy tên quân. — Cho họ mặc giả làm quân, dẫn họ về dinh ta đợi lệnh.

MÃY-TÊN-QUÂN

Xin vâng mệnh (dẫn cùng-nữ ra).

VŨ-NHƯ-TÔ khinh bỉ.

Mi thực là một tên bỉ, đi. Sao trời lại dễ cho mi sống làm nhuc cường-thương !

VIÊN-TƯỚNG

Dẫn nó về trình chủ-tướng.

VŨ-NHƯ-TÔ dấy hy-vọng

Dẫn ta ra mặt An-hóa-hầu, đề ta phân-trần, đề ta giảng giải, cho người đời biết lẽ nguyên vọng của ta. Ta có tội gì ? Không ta chỉ có một hoài-bão là tô diêm đất nước, đem lết tài chí ra xây cho nổi giống một tòa đài hoa-lệ, trách cả những công trình sau trước, tranh tình-xảo với Hóa-công. Vậy thì ta có tội gì ? Ta xây Cửu trùng-dải có phải đầu đề hại nước ? Không, không Nguyễn-hoàng-Dụ sẽ biết cho ta, ta không có tội. Và cõu tướng các người sẽ cõi trời cho ta, đề ta xây nổi Cửu trùng-dải, dựng một kỳ công muôn thuở...

QUÂN-SĨ cười ầm

Cầm đi ngay ! Quân diên rồ cầm đi ngay, không chúng ông và vợ miêng đi bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu trùng-dải, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư ? Người ta oán mày hơn oán quỷ. Cầm đi ngay.

VŨ-NHƯ-TÔ

Và cuối năm nay, đài Cửu-trùng

sẽ hoàn thành cao-rã và quy-hoàng, và giữa tui uân lập lực một cảnh Đông lai...

QUÂN-SĨ Cầm mồm

VŨ-NHƯ-TÔ. — ... sẽ xuất hiện.

QUÂN-SĨ

Cầm mồm ! (tọ xúm vào và miêng Vũ-như-Tô)

VŨ-NHƯ-TÔ

Ta cõ thù oán gì với các người ?

VIÊN-TƯỚNG

Dẫn nó ra pháp trường. Không đề nó nói nhảm trước mặt chủ tướng, mất thì giờ.

QUÂN-SĨ

Táp áp-trường !

VŨ-NHƯ-TÔ

Không ! Dẫn ta ra mặt chủ tướng, ta muốn nói chuyện với An-hóa-hầu, Các người không hiểu được ta.

Có tiếng ầm ầm như long trời lở đất.

MỌI-NGƯỜI

Cái chi nghe kinh người ?

Mọi lũ quân vào.

Cảnh IX

Những người trên. Thêm một lũ quân.

VIÊN-TƯỚNG

Chúng bay đi đâu ?

LŨ-QUÂN

Bầm tướng-quân ! Kinh thành phát hỏa !

VIÊN-TƯỚNG — Ai ra lệnh ấy ?

MỘT TIÊN-QUÂN

Chính An-hóa-hầu.

VŨ-NHƯ-TÔ

Chính An-hóa-hầu ! Thế Cửu-trùng-dải ?

LŨ-QUÂN

Cửu-trùng-dải ấy ư ? Đã trắng xe cái ! Cửu-trùng-dải sắp là một đồng tro tàn !

VŨ-NHƯ-TÔ — Vô-lý ! Vô-lý !

VIÊN-TƯỚNG

Rõ quân ngu-muội ! Đến đầu

mày còn chẳng biết nội chỉ đến Cửu-trùng-dải ? Mày còn tin tướng.

VŨ-NHƯ-TÔ

Đối ta không quý bằng Cửu-trùng-dải

QUÂN-SĨ

G ống vật không biết nhục !

VIÊN-TƯỚNG — Dẫn nó đi.

Chợt có ánh lửa. Sáng rực cả Tàn thanh, bụi khói bay vào.

VŨ-NHƯ-TÔ nhún ra rú lên.

Đốt thực rồi ? Đốt thực rồi ! Ôi đảng ác ! Ôi muốn lần nữa giận ! Trời ơi phủ cho tui làn gì ? Ôi mộng lớn ! Ôi Đan-Thiền ! Ôi Cửu-trùng-dải !

Có tiếng hô vui-vẻ : Cửu trùng dải đã cháy.

QUÂN-SĨ

Thực đáng ăn mừng

VŨ-NHƯ-TÔ chưa chết

Thời thế là hết. Dẫn ta mau đến phát trường.

Màn hạ nhanh

(Hết)

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Đã in xong.

QUANG TRUNG

(lịch sử ký sự)

của HOA BẢNG

— Nhiều phụ bản do các họa sĩ tốt nghiệp trường Mỹ thuật vẽ giúp.

Giá 5\$00

cước phí bảo đảm : 0\$50

Xin chú ý : Không gửi sách theo lối. Lính hòa giao ngân.

Số sách in có hạn, ngại nào cần mua xin gửi ngay mandat và tiền cước phí về cho :

Ô. Nguyễn tường Phương

95 97 Chanceaumé Hanoi

LÊ QUỲNH

(Tiếp theo trang 11)

cảnh sinh tình, có viết bài thơ « Bắc Hành tự tình » trên vách ngục, bích quan vào xem cũng lấy làm thương-cảm.

Trải mấy năm, Lê Quỳnh bao phen bày tỏ lòng trung với nhà Lê và than thân lụy-lạc giam-cầm hàng 10 năm, nhưng các quan nhà Thanh chẳng hề xét hỏi.

Đến tháng 11, nghe tin quốc-mẫu qua đời, rồi chẳng bao lâu Lê-vương lại băng, Lê Quỳnh cùng Lê Tri, Trịnh Hiến và Lý Đạo có viết thư ai-diếu, lời-lẽ rất thống-thiết.

Năm canh thân (1800) tháng tư nhuận, ngày mồng bốn, Quỳnh được thả ra khỏi ngục, nhưng phải an sát ở phía tây cách kinh thành 12 dặm, được ăn mặc tự do, được ra lễ mộ phần vua cũ và được cho con đi lại thăm nom, nhân có làm thơ :

Nam quan nhi hệ thập dư niên,
Ưu ốc bằng chiêm giáng tự
thiên ;
Trạc phát nan thù tán vũ lộ,
Hồi đầu khủng-phụ cựu sơn
xuyên.
Trung hồn tha nhật dư ân bồ
Khô tiết như kim túc tri tuyền
Hồng nhật phương thăng cao
chiếu chúc
Mạc (?) giaa Kỳ-bắc hữu đề
quyển.

dịch :

Thân tù đã ngoài mười năm,
Nước trời rẩy tưới ướt đầm
bấy lâu...

Dẫu rằng đếm tóc mái đầu,
Móc mư ơn mới dễ đầu đèn-
bồi !

Ngoài trông nước cũ xa khơi.
Luống e Non Nước trách tới
phụ phàng !

Hồn trung nghĩa nặng còn
mang,

Chữ xưa giữ vẹn, tiết càng dằng
day !

Vùng hồng cao rọi đỏ đây,
Sao cho Kỳ bắc bắt ngay cuộc
gào... (1)

Tháng năm năm ấy quan trên
đến dụ :

Hoàng thượng ban ân diên cho
bạn người ở đây, tiền lương đã
có Hán-quân nhưng Hoàng - kỳ
chiều phát.

Đến tháng chạp, sang Bắc-tân-
trang sai tảo vườn trâm của cố chủ,
nghĩ đến tình xưa, lệ rơi như tưới.
Lại bàn với Tá-linh công là Lê
duy-Án mưu đem hải cốt cố chủ
về nước, Lê duy-Án cho hay đó là
diên di-chúc của Lê-vương. Hai
người mới cùng nhau làm sớ tâu
tình nỗi khổ của kẻ cô thân vong-
quốc nào cha già mong đợi chẳng
được sum vầy, nào tình hiếu đờ-
đang, chưa bề nào xong bề nào cả,
nào vua cũ, lúc sống không được
trở về nước nhà, lúc chết đình-
ninh di chúc cố mang hải cốt về
cố quốc...

Đến năm qui-hợi (1803) tháng
giêng, nghe nói Tây-sơn là Nguyễn
quang-Trần đã bị họ Nguyễn diệt,
Quỳnh lại làm biểu văn tâu trình,
lệnh trên xét quả Lê Quỳnh thật
đáng thương tình.

Chờ đến tháng bảy, nghe tin
quốc hiệu An-nam nay đã đổi là
Việt-nam và sử-giả (của vua Gia-
Long) cũng sắp đến kinh đô nhà
Thanh.

Ngày 25, Lê Quỳnh, cùng Lý
Bỉnh Đạo, xin phép rước linh
cữu về nước.

Ngày 27 đến Trác-trâu, lại bị
quan Tri-châu xét hỏi gửi lại, chờ
mãi đến ngày mồng 2 tháng tám,
có thượng lệnh cho bọn Lê Quỳnh
được về vì xét ra là đã do triều-
đình nhà Thanh cho phép, chứ
không phải là việc làm vụng trộm.

Lê Quỳnh về nước, lui về diên
viên, năm Giáp-tý (1804), nhân

nhờ đến công ơn tiên tổ mà được
toàn danh tiết, mới làm lễ tế ở Từ-
đường, nhân có soạn một bài văn
tế, nhờ nhẽ làm câu thống-thiết,
trích dịch sau đây :

Một diêm nghĩ-minh, mười
phần văn phụ,

Đạn lửa, gió vàng siết-siết,
ở nước ich chi,

Ngon nước, gốc cây man-
mác, có nhà sao bỏ ?

Theo rồng tròn chẳng kịp
rồng,

Giữ hồ hóa thành rằm hồ.

Ngoài đồng trụ, chút thân
đất khách, vạn lý tuyết sương.

Trong thiết thành, khổ đợi
trời chung, bao năm vãn vụ.

Đầu rồi bông, luống phụ
quân thân,

Lòng bút-rút, then cùng kim-
cổ:

Ba trăm năm ngôi Tống-gia
quét đất, chế tiếng cuộc then với
Thiên-tường !

Mười chín thu tiết. Hán sử
mờ sương, đặng-đặng chắn dè,
khác gì Tô Vũ.

Nhờ thần-uy quét sạch Tây
sơn,

Nhờ tiên-ấm lại về Nam-thổ,

Đoạn văn trên đã tả cái tâm sự
của kẻ vong thân, mười mấy năm
bỏ bá, quê người lận lộn, đất khách
gửi thân; ta không khỏi không
ngậm ngùi cho thân thể của một
kẻ bấy tôi gặp lúc quốc-phá gia
vong mà vẫn bền lòng trung nghĩa,
lại chịu khổ tiết cho đến khi đem
được cái thân tàn về nước.

Lê Quỳnh thật đáng đứng đầu
bọn vong thân nhà Hậu Lê vậy.

(Hết)

TIỀN-ĐÀM

1) Bản dịch của bạn Hoa Bằng.

NAM DÂN BAT CHÂU THI THẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN đạo-nhân

LIII

Phú đặc « Buồn trông cửa bể chiều
hôm, thuyền ai thấp thoáng cánh buồm
xa xa »

(Phê-Kiều 18)

Thân lưu-lạc những quê người non nước,
Đoái xung-quanh mà trông trước ngăm sau.
Ménh-móng cảnh, vẽ nên sầu ;
Vàng đầu mặt sóng, bướm đầu chân trời.
Rằng ngược du xuôi : phương tể độ ?
Hắn chìm hay nổi : bụi thiên-quyên ?
Bề kia gieo nặng lời nguyền,
Ôm cầm nữ gảy qua thuyền ai nghe.

Chú-thích

Vàng đầu mặt sóng = Trời tây bằng-lãng
bóng vàng, » Bóng vàng tức bóng chiều.

Bướm đầu chân trời = Tây-hồ - tưng .
« Thuyền thương khách chen buồm bướm-bướm. »

Bụi thiên-quyên = « Bề trần chìm-nổi
thiên-quyên. »

LIV

Phú đặc « Nhờ tay tể-độ vớt người
trăm-luân. »

(Phê-Kiều 19)

Tháo cũi xỏ lồng mấy lời danh sắt.
Lọt tai nghe tay Phật có xa gì
Lạy Phật trăm lạy, nghìn quy,
Lênh-đénh khỗ-hải quy-y từ-hàng.
Tiên tích-việt, tướng nước dương hòa mực gửi ;
Ngựa truy-phong, nhằm non Thửu ruồi cường
trèo.

Ngờ đàn bình địa ba đào,
Ông Thích-Ca giả, dẫn vào mặt mo !

Chú-thích

Nước dương = Nói phép Phật : Giọt nước
cành dương. »

Non-Thửu = nói cảnh Phật : « Thửu lĩnh
bồ đề ». »

LV

Cái sóng khuynh thành thơ.

(Phê-Kiều 20)

Lọc bao lớp, anh-hùng quân-tử,

Sóng khuynh-thành độc dữ, lại gì hơn !

Một cười đôi lấy nước non,

Trận hương đồ quán, làn son xiêu đình !

Àu thu-thủy chứa giầy tình oan-nghiệt.

Bề Hải-đường nồng cỗi sắc gió mưa.

Cầm chèo thì vãng lay co,

Nguyệt hoa nhân khách sớm trưa bến Tề.

Chú thích

Lọc bao lớp = lọc bỏ mà khiến trôi đi, tức
là nghĩa đào-thải. Thơ đề-từ sách Tam-quốc : « Lãng
hoa đào tán anh-hùng »

Một cười = Hán 'Lý Diên-Niên, giai-nhân ca :
« Nhất tiếu khuynh nhân thành, tái tiếu khuynh nhân
quốc »

Trận hương, làn son = hương bay như trận
gió, son đầm như làn sóng, nói cái trạng-thái
khuynh thành ; chớ đọc lầm là « làn son ».

Bến Tề = Tức Lâm-chi, xưa là quốc-đô nước
Tề, nay thuộc tỉnh Sơn-dông. « Khách » là trở
Thúc-lang,

LVI

Phú đặc « Dưới trăng quyen đã gọi hè
dầu tường lửa lựu lập-loè đầm bông. »

(Phê-Kiều 21)

Oanh, đã già, đào đã phải thắm ;
Tiếng quyen nghe, bóng lựu ngăm vừa phen.
Năm canh nguyệt, bốn bề hiên ;
Lời thay xuân yếm, sắc chen chu hà.
Hồn kêu gọi, hồn là hồn cổ-quốc ;
Vẻ lưng-bình, vẻ ấy vẻ tân hoa.
Cảnh nào cảnh chẳng mặn-mà,
Nhớ quên cảnh nhà : Thềm quế cung trăng ?

Chú thích

Chu-hà = loài sen bông sắc đỏ.

Hồn cổ quốc = Cỗ sử : hồn Vọng - để nước
Thực hóa làm con đồ quyen, năm canh thường kêu
cuốc-cuốc.

Vẻ tân hoa = ám-chỉ người yêu mới của
Thúc-lang.

Thềm quế cung trăng = nói người chủ-
trương cũ.

TÙNG VÂN

Khái luận, và phê-bình thi ca cũ

NHÀ THƠ THUẬT-HOÀI

Thi nhân xưa không biết đến ái-tình. — Khinh thường thất bại và đau đớn. — Công-dụng thi-hiến-ca của thơ diễn tả bình sinh chí khí của người thơ. — Yên-Đồ, nhà thơ thuật hoài. — Cái « xuất khẩu thành trời » đã làm giàu cho thi-ca những lời thơ hùng tráng. — Tiếng khóc phi-thường của một người đàn bà. — Thiên anh-hùng-ca về Nguyễn-Huệ. — Thi nhân xưa và thi-sĩ nay

của HOÀNG THIẾU-SƠN

THUẬT hoài hay cảm khái, thi-nhân Việt rất ít nói đến ái-tình. Người xưa sống vì đoàn thể không sống vì cá-nhân.

Abel Bonnard cũng nói: « Ở Âu châu, người ta chia lìa nhau ra, ở Á châu, người ta họp nhau lại, lẫn lộn vào nhau thành đoàn thể. » (1)

Trong các thư tình, thi-nhân chỉ trọng tình bạn (2). Rượu Nguyễn-Khuyến chỉ mua để Dương-Khuê uống, giường Nguyễn-Khuyến chỉ cùng Dương-Khuê ngồi, đàn Nguyễn-Khuyến chỉ gảy cho Dương-Khuê nghe, thơ Lê-bích-Ngô chỉ thiết-tha tặng Phan-thanh-Giản.

Thi-nhân xưa, cơ hồ không biết đến đàn bà. Thằng-hoặc-có biết đến cũng chỉ đề mà thương. Thương gái giang-hồ mệnh bạc. Thương người cô-phụ trên bến Tầm-dương. Thương kẻ lìa chồng bên đường « nhà lương » (3). Không bao giờ đề mà yêu ngoài người dưng phụ mà thi nhân rất ít nói tới, đàn bà hình như đối với thi nhân chỉ là một vật mua vui. Ái tình là một thứ tình mới nhập cảng vào xã hội này với phong trào Âu-hóa.

Đối với nhà thơ xưa, đàn bà không ngoài cô dẫu, một hạng

người mà hơn một thi sĩ đã liệt vào hàng « hoa nô. »

« Kiền nhi năm bảy bọn, đồng tử bốn ba tên. (4)

Không yêu, nên thi nhân không buồn rầu, không yếu đuối. Bà « Khóc Bểng-phi » là một trường hợp tối đặc biệt trong thi đàn Việt nam.

Một nhà thơ khác bị tình phụ chỉ thét lên đề chữ tình nhân chứ không khóc:

Khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào:

Khối tình cay đắng biết làm sao!

Muốn kêu một tiếng cho to lắm
Rằng hỡi ai ơi! khổn thế nào? (5)

Thi nhân Việt khinh thường những điều đau đớn. Những sự thất-bại trên đường đời hay trong trường tình đối với họ chẳng qua là một ván cờ, một « cuộc tổ tôm ».

Bực chẳng nhẽ anh hùng khi vị-ngộ

Như lúc đen chơi, cuộc tổ tôm (6)

Đánh ba chén rượu kho nh tay dốt

Ngâm một câu thơ vô bụng cười... (7)

Ngày ba bữa vô bụng rau bịch-bịch,

Người quân-tử ăn chẳng cầu no.

Đêm năm canh an giấc ngáy kho-kho,

Đời thái-bình cửa thường bỏ ngõ. (8)

Không có một vật gì trong đời có thể làm cho thi nhân tha-thiết.

Làm thơ thuật hoài, họ hay tự thuật chí khí, hơn là tự giải nỗi lòng. Phạm-huy-Hồ bình sinh chỉ có một mục đích: đòi Lương-Quảng lại cho nước Việt Nam. Di chúc của Người là hai câu thơ:

Vương sư bậc định Đông Tây Việt,

Gia miếu vô vong cáo nãi ông. (9)

Ngày nào hai Quảng mà khôi phục

Nhớ qiổ ông mày đề biết cùng.

Công-dụng của thơ đối với người Việt Nam xưa rất lớn lao. Một vị anh-hùng ăn dật (10), một bậc lão-thần ôm tấm cô-trung đối với cựu-chủ (11) đều làm một bài thơ, có khi chỉ làm một câu đối, đề đến tả tất-cả bình-sinh chí khí, đề đem làm phương châm cho cuộc sống của mình, đề nêu cao như một lý-tưởng bất-di, bất-dị phải cố mà đạt cho lý đặng.

Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đó bắt có bền gian.

Thật chẳng còn gì tha-thiết, cảm-
động hơn một bài thơ *Bán thân*.

Bao nhiêu thi phẩm của Nguyễn
Khuyến sỡ lại thơ tự thuật. Sinh
thời Yên-đô rất đau đớn vì những
nỗi tang thương, cảm hứng đã
đến với người khi người ngậm
đến cuộc hưng phế. Nên người
đã để lại một bài thơ tâm huyết
là bài *con cuốc* :

Khắc khoải sầu đưa giọng lẳng
lơ,
Đầy hồn Thục-đề thác bao giờ.
Năm canh máu chảy đêm hè
vắng,

Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt
mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng
gọi ?

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?
Ban đêm rồng rã kêu chi đó ?
Giục khách giang hồ dạ ngầu
ngơ !

Người làm quan đến Sơn-Hung
Tuyên tông đốc những người xin
về - thì - sĩ để dạy học trò, để
« *chết chết chết anh* » với phỗng
đá (11) để như *ault-chăng* giả
điệp (12), « *Dập tại ngã nhai mặt
lâm ngo* ».

Khỏi phải chen chân vào đám
bụi trần, khỏi phải dơ đầy vì đồng
bạc trắng — (13) người như « *gái
hỏa* », người đã vãn lên, khấn
cầu :

Lấy chồng thì gái già này xin
van (14).

Dương Khuê từ trần, người
biết đã mất bất tri-âm và người
đã cho Dương Khuê « *chấn đời
là phải* ». Vì người chỉ muốn như
« *mẹ mồi* » giữ ấm lòng :

Sạch như nước trắng như ngà
trong như tuyết,

Mảnh gương tình vắng vơi
quyết khó g như.

Người rất không muốn lên sân
khấu cuộc đời đóng một vai
« *phỉu lòng chèo* » (15).

« *Tân Đà, một nhà thơ kém trăm
lần nhất trong các thi sĩ Việt.
Nam đã tự khước từ :*

*Lời văn chuốt đẹp như sao
sáng.
Khí văn hùng mạnh như mây
chuyển,
Em như gió thoảng / tình như
sương
Đầm như mưa sa, lạnh như
tuyết* (16).

« Một ông đồ làm thơ chỉ đặc
biệt nhất khi được người đọc khen
một câu : « *lời đẹp, ý hùng* » :

Một văn sĩ Pháp đã nói : « *Văn
tức là người* ». Thi nhân, văn
nhập ta tin lệ eo chân lý ấy không
phải như tin vào một sự thật về
văn-chương, mà như tin vào một
sự *đi-doan*.

Một danh nho Fâu cũng nói :
« *Văn chương là tâm khí
của hiền nhân ; tâm khí vai thì
văn chương chình ; tâm khí
trái thì văn - chương không
chính* ».

Một bài thơ có thể xem như
một lời sấm, một điềm ứng vào
bầu lai, một lá số đồ xem hành
lực của người thơ. Cái « *xuất
khẩu thành trãi* » ấy người ta
bảo đã nhiều lần ứng nghiệm
nhất là với nhà thơ có cuộc đời
ly-ký như Nguyễn hữu-Chính con
người mới lên bảy đã ứng khẩu
được câu đối :

Mở *khép* càn-khôn, có ra tay
hiếu biết,
Ra vào *trương-tướng*, thử liếc
mắt má coi ;

« *Con người suốt đời bán khôn,
tha thớt muốn làm ông Nãi-cau-
Tổ Nam-Việt.*

*Dòng Đao - đường chảy róc
rách dưới sông Lưu,
Mây Màng-Nhân cuốn chầu vờn
về đất Bái* (17).

Thi nhân xưa đầy lòng *di-đoan*,
họ sợ nhất là bà thơ của họ sẽ là
một bài « *Tráng phảo* » nên mỗi
lần ngâm vịnh họ tránh nhất là
những lời thể-thâm, họ đã cố dối
lòng để làm nên những văn thơ
bùng tráng. Kể bắt tai dẫu rằng
thất bại, kể có tài đã làm giàu
cho thi ca những lời thơ khảng
khái mạnh mẽ.

Cũng vì thế, và thành một thói
tục quen, thi nhân Nam-Việt hay
mượn những cảnh vật nhỏ mọn tầm
thường, một con cóc (18), một cái
nón (19), một thúng mốt (20), một
người tát nước (21) để đến tả
những ý nghĩ cao lớn, họ làm thơ
theo lối lượng trường của *Vilghy*.
Những bài như thế làm bất cổ lẫn
cả cái hùng tráng và cái bi ti liệt.

Thi-nhân xưa, từ những trường
hợp đặc-biệt, rất làm những bài
thơ *di-huyền* là tình. Họ cũng rất
khống hay để lòng đứng-dưng
trưng tặc ca ngợi cái đẹp của
ngoại-biến. Trong thơ họ bao giờ
cũng lẫn lộn ngoại-vật và tâm-
tâm. Ca hát đất trời, nhà thơ ít
quên gọi vào đời ca một ít tình,
một lý. Nói cho đúng, nhà thơ
đã mượn đất trời làm khung
cảnh để để đặt những nỗi u-ân
trong thâm-tâm.

Đọc thi ca cũ Việt-Nam, cảm
tưởng của người đọc là một
cảm-lượng mạnh mẽ, một cảm-
« *Xem tiếp trang (20)*

Gốc tích thành Huế (Tiếp theo trang 7)

thường xưng là « Thái-phổ quốc-công », đóng ấn « Tổng-trấn tướng-quân ». Ngày kỷ-mùi, ngài lên ngôi vương ở chính-phủ Phú-xuân (*Đại Nam thực lục, tiền-biên*, q. 10, tờ 5 a 6 a; J. Koffler, *Description historique de la Cochinchine* dịch trong *Revue indochinoise*, Mai - Décembre 1911, trang 448, v. v.). Ban chiếu đại-xá, gọi chổ phủ chúa là điện, lời thần-dân trình lên là tấu (trước là thân), giấy má thì vẫn dùng niên hiệu nhà Lê, viết giấy xuống nước dưới mình thì xưng là Thiên-vương (*Quốc-triều sử toát yếu*, q. 1, tờ 31 a). Trước kia phủ Phú-xuân gọi là chính-doanh, dinh Ái-tử gọi là cựu-doanh; đến năm 1744 chúa Nguyễn-phúc-Khoát lên ngôi vương, gọi chính doanh là đô-thành, chia trong cõi làm 12 doanh (*Đại-Nam thực-lục, tiền-biên*, q. 10, tờ 11 b).

Tháng 11 năm giáp-ngọ 1774, Trịnh Sâm sai * Hoàng-ngũ Phúc vào lấu Thuận-hóa. Tháng 12 chúa Nguyễn-phúc-Thuần (1765-1775) chạy vào Quảng-nam, quân Trịnh vào đô-thành, Hoàng-ngũ-Púc chiếm được Thuận-hóa (*Đại-Nam thực-lục, tiền-biên*, q. 11, tờ 26 a; *Quốc-triều toát-yếu*, q. 1, tờ 35 b). Đến năm 1786 Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ đuổi quân Trịnh, chiếm giữ xứ Thuận-hóa (*Đại Nam nhất thống chí*, q. 2, tờ 6 b).

Tháng năm, ngày mậu-dần, năm tấn-dậu 1801, chúa Gia-long lấy lại được kinh-đô cũ, tức Phú-xuân là kinh-thành Huế bây giờ; trích ba huyện Hương-trà, Quảng-diên,

Phú-vang thuộc phủ Triệu-phong, đặt dinh Quảng-đức; lại trích hai huyện Hải-lăng và Đăng-xương, cũng thuộc phủ Triệu-phong, và huyện Minh-linh ở phủ Quảng-bình, đặt dinh Quảng-trị, mỗi dinh đều đặt chức kry-thú, cai bộ và ký lục. Đến năm Gia-long thứ năm (1806) dinh Quảng-đức và Quảng-trị đều dùng ba chữ trực-lệ ở trên, cho theo vào kinh-sư. Năm Minh-mạng thứ hai (1821) đổi dinh Quảng-đức làm phủ Thừa-thiên, bớt hai chữ trực-lệ ở trên. Năm Minh-mạng thứ tư (1823) đặt chức kinh-thành đề-đốc, phủ-đoãn, phủ-thừa. Năm Minh-mạng thứ 16 (1835), đặt thêm ba huyện Phong-diên, Hương-thủy và Phú-lộc. Năm Tự-đức thứ sáu (1853) hợp tỉnh Quảng-trị (trấn Quảng-trị đổi làm tỉnh Quảng-trị từ năm 1831) vào phủ Thừa-thiên, đặt ra đạo Quảng-trị, giấy tờ việc quan thì dùng « Thừa-thiên phủ, Quảng-trị đạo ». Năm Tự-đức thứ 29 (1876) lại đặt riêng tỉnh Quảng-trị như cũ, phủ Thừa-thiên cũng riêng như cũ, có sáu huyện: Hương-trà, Phú-vang, Hương-thủy, Phú-lộc, Quảng-diên và Hương-diên. *Đại-Nam nhất thống chí*, q. 2, tờ 6 b-7 a; *Khâm-định Việt-sử*, q. 21, tờ 24 a-b; Võ-Liêm, *La capitale du Thuận-hóa (Huế)*, đăng trong *Bull. Vieux Hué*, 1916, trang 277 - 283; Michel Đứơc Chaigneau, *Souvenirs de Hué*, v. v.).

Còn hoàng-thành, kinh-thành, kiêu thế nào, rộng bao nhiêu, sách tây sách ta đã nói rõ, như quyển *La citadelle de Hué* của ông H. Cossérat và L. Cadière, in ở *Bull. Vieux Hué*, 1933, bài *Les fortifi-*

cations de la citadelle de Hué của ông Ardant du Picq, đăng ở *Bull. Vieux Hué*, 1924, v. v.

Lịch-sử gần đây, cũng có nhiều sách chép, như quyển Prudhomme, *L'Annam du 5 juillet 1885 au 4 avril 1886*, A. Delvaux. *La prise de Hué par les Français, 5 juillet 1885* R. O. band, *Le Hué de 1885*; H. Peyssonnaud, *Huế entre 1885 et 1888*; A. Delvaux, *Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam*, v. v.

Xem như thế, thì thành Huế bây giờ ở làng Phú-xuân bắt đầu có từ năm 1687; chữ « Huế » ấy do chữ « Hóa » đọc trạnh ra. Về thế kỷ thứ 17, người Âu-châu thường viết là Senua, Sinoa, Singoa, v. v., tức là chữ Thuận-hóa của ta.

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê

của Nam-Cao giá 2\$00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt-Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu đáo, các bạn đều nên có cuốn *Nửa đêm của Nam-Cao*.

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết

của Ngô-Hòa giá 0\$50

Phách bướm hờn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân

của Thế-Hưng giá 0\$30

Nhà xuất bản Cộng-Lực

N-9 Rue Takou - Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SƯ

Số 27

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TÔ

XX. — Hàn - Ước, Mã-Tông và Mã-Thực.

Ba chức đô-hộ này đều giỏi cả. Hàn-Ước là người dũng - quyết, sách-vở thiếp-liếp, có tài làm lại, dần dần thăng thứ-sử Kiên châu. Năm thứ hai hiệu Thái-hòa (828) đời Đường Văn-tông, thứ-sử Phong-châu là Vương-thăng-Triều làm phản, Hàn-Ước lĩnh chức « An-nam đô-hộ » để đánh dẹp. Vương-thăng-Triều bị giết. Sau quân trong phủ khởi loạn, Hàn-Ước bị đuổi, chạy về Quảng châu (Khâm-định Việt sử, tiền-biên q. 4, tờ 32 b; An nam chí nguyên, q. 2, trang 159; Việt kiều thư, q. 4, tờ 12 a).

Bộ Đại-Việt sử-ký (q. 6, tờ 13 a) và Đại-Việt sử-ký loan-thư (q. 5, tờ 8 a) đều chép Hàn-Ước bị Dương-Thanh đuổi; nhưng xét ra Dương-Thanh bị Quế-trọng-Vũ giết từ năm 820, còn đầu đến năm 828 mà đuổi Hàn-Ước! Vậy cứ chép là bị loạn-binh đuổi, không nên chép rõ là quân nào.

Mã-Tông tên tự là Nguyên-hội, trong hiệu Nguyên-hòa (806-820), do chức thứ-sử châu Kiên (Việt-Kiều thư, q. 4, tờ 6 b, và Khâm-định Việt-sử q. 4, tờ 30 b, dẫn Đường-thư, đều chép là châu Kiên; An-nam chí nguyên, q. 2, trang 158, chép là châu Ái) thăng làm An-nam đô-hộ. Người thanh-liêm, không hay quấy việc, dùng hươu-thuật dạy dân, hóa thành phong-tục tốt, chính-sự giỏi.

những dân lý-lão (mọi-rợ) đều yên-dựng cột đồng, chép công-đức nhà Đường, đề tỏ mình là đồng-dối Phục-ba (từ Mã-Vị).

Khâm-định cần án rằng: « Mã-Tông làm đô-hộ, chính-sự có tiếng tốt, cựu-sử bỏ thiếu không chép, nay khảo Đường-thư chép thêm vào; nhưng truyện chỉ nói trong đời Nguyên-hòa, không chép rõ năm tháng ».

Mã-Thực, người Phù-phong, đỗ tiến-sĩ, lại đỗ khoa chế sách. Năm Khai-thành thứ nhất (836) nhà Đường cho làm An-nam đô-hộ. Tính giỏi về việc lại, đem văn nhạ sửa-sang, chính-sự thanh-liêm, giản-tiện, không phiền-nhiều, nhân-dân trong « động » đều yên, các thủ-lĩnh những châu cơ-mi đều qui-thuận.

Năm thứ ba hiệu Khai-thành (838) Mã-Thực về Tàu xin đổi huyện Vũ-lục làm châu Vũ-lục, kén thủ-lĩnh làm thứ-sử. Vì chính-sách giỏi, được thăng quan-sát-sứ Kiểm-trung (Khâm-định, q. 4, tờ 33 a-b).

Mục cần-án ở Khâm-định chép rằng: « Xem Đường-thư liệt truyện, thấy Mã-Thực làm đô-hộ, chính-sách thanh-liêm giản-dị, dân trong « động » được yên, ngộ châu lại sinh: có tiết thanh-liêm cảm-hóa đến vật như thế. Thanh nhất thống chí liệt Mã-Thực vào bậc danh-hoạn An-nam, cùng với Triệu-Xương, Vương-Thực, đều là những bậc thủ-lệnh

cổ, danh-tiếng. Đường-diệp-lý chỉ chép năm Khai-thành thứ ba (838) Mã-Thực dâng biểu xin đặt châu Vũ-lục. Rồi rằng sự thực như thế, mà cựu-sử bỏ sót, không chép, chỉ chép năm Hội-xương thứ nhất (841) Vũ-Hồn thay Hàn-Ước làm kinh-lược-sứ. Nay xét Đường bản kỷ, năm Thái-hòa thứ hai (828) Hàn-Ước bị loạn-quân đuổi tỉnh từ năm thứ hai hiệu Thái-hòa (828) đến năm thứ nhất hiệu Hội-xương (841) qua đời Khai-thành năm năm, cộng 15 năm, có Mã-Thực làm đô-hộ. Vậy thì Vũ-Hồn nối Mã-Thực, không phải thay Hàn-Ước. Nộp theo Đường-thư mà cải chính để khỏi quên một vị lương-thủ trong kỷ nội-thuộc ».

Còn Vũ-Hồn Khâm-định (q. 4, tờ 34 b 35 a) chép năm Hội-xương thứ nhất (841), Dương Vũ-tông cho làm kinh-lược-sứ nước ta. Đến tháng 11 năm 843, Vũ-Hồn sai tướng sĩ sửa chữa phủ thành. Quân trong phủ lại loạn, đốt lầu trên thành, cướp kho tàng. Vũ-Hồn chạy về châu Quảng Giám-quản làm Đoàn-sĩ-Tắc rồi yên dân-chống; châu thành lại yên.

(Còn nữa)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TÔ

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00" một vé

Nhà thơ Thuật - Hoài

(Tiếp theo trang 17)

tướng thanh cao, đưa Lỗn đến một trình độ luân lý cao thượng, tuy không bao giờ phải lìa bỏ cõi thế gian này.

Ngời xưa cõ một linh hồn vừa đạo đức vừa lòng kiện, cho đến tận nơi nơi dân bà cũng có một linh-linh làm cho họ ưa thích những sự cao-cả trên-mống lơn những sự tâm-thi ởng yếu diệu.

Một người dân bà khóc chồng, cũng khóc với những tiếng khóc phải thường.

« Sầu sâu thăm thăm xiết bao
Sầu đầy đạt bề, thân cao ngất
trời ! »

Cái đau đớn của Ngọc-Hàn công-chúa khóc đức phu quân là một cái đau đớn mệnh-mạng, to rộng, không tỉ-tê không yếu-ớt :

« Những ước mong trập trùng
tuổi hạc.

Nguyễn trăm năm gõ được
vầy vui,

Nào hay sống cạn, bề vui,
Lòng trời giáo giở, vận người
biệt ly ».

Cái cảnh của Hoàng-hậu là cảnh « phượng hoàng lẻ đôi », không phải cảnh chim con mất bạn.

Suốt bài thơ một trăm sáu mươi tư câu, càng đi về đoạn cuối, lời thơ càng rít lên, càng bi thiết lạ thường :

« Cảnh ly biệt nhiều phần bất
ngái... »

Cái sầu cái thảm của nữ thi sĩ lên cao thấu chín tầng trời, ra xa ngai bao nhiêu bề rộng, siết lên như quy oán cả vũ trụ mệnh-mạng, cả hóa-công vô cùng :

Tức lòng thăm thiết chín trời
biết chăng ?

Chỉ linh nghĩa trời cao đất
rộng

Nỗi đoạn trường còn sống còn
đau !

Ngoài nỗi đau-đớn phải thường kia, bài Ai-lư văn của Ngọc-Hàn công chúa lại cao-thượng ở một lòng tôn vua, một lòng kính chồng, một lòng mến yêu khâm phụ; và song đối với vị anh hùng là đức phu-quân vừa quá cố. Những thứ tình ấy dài các lạ thường, đó là biểu hiệu của một nền giáo dục hoàn toàn của ông bà ta ngày trước :

Ai ăn muốn đội ơn trên ..

Cuộc gặp gỡ giữa Ngọc-Hàn và Nguyễn-Huệ là chuyện linh thông khoáng hơn hết trong lịch sử tình ái của dân-tộc Việt-Nam.

Xe giầy văng mệnh Phụ hoàng
Thuyền lan chèo quế thuận
đường vu-quy,

Trăm nghìn dặm quán chỉ non
nước...

Chữ nghi gia mừng được phải
duyên.

Nhưng than ôi, mới « Lắng năm
kết phát »

Duyên hảo cầu sao bỗng dở
đang ?

Bài cảm hoài này lại có điều đáng đề ý là đã gồm những đoạn văn thuật lại võ công của vị anh hùng Việt Nam kia, của Nguyễn-Huệ, một tay « áo vải, cờ đào » đã dựng nên đế nghiệp, của người xứng đáng hơn ai cả để đóng vai chính trong một thiên anh-hùng ca bi-tráng :

Từ cờ thảm trở với cõi Bắc,
Nghĩa tôn phù vãng vặc bóng
dương.

Nghe thuở trước dấy vương
Thang, Võ

Công nghiệp nhiều, tuổi thọ
càng cao,

Mà nay áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao
công trình !

Nghe rành-rành dấy vương
Nghieu Thuần.

Công đức đầy ngự vận càng
lâu :

Mà nay lượng cả ơn sâu,
Mộc mưa tưới khắp chín châu

đơm nhuần

Công nhường ấy mà nhân
nhường ấy.

Cõi thọ sao hẹp mấy Hóa-công ?

Đời Nguyễn-Huệ là một thiên anh-lùng-ta, cái chết của người chẳng khác nào chiếc mặt trời vụt bị rơi-tụng làm ảm-dạm cả vũ trụ vô cùng :

Chiu lừng ngọc sáng bóng
trung-tinh, ngoài muôn nước
vừa cùng trông về thụy.

Một phút mây che vầng Thái-bạch, trong sân cung thoát đã nhạt hơi hương (22).

Thi nhân xưa đi trong đời, ngẩng mặt lên trời, cao ngâm đề rộng mở cửa lòng, giải tâm tư ra bốn phía, đem tâm can suy nghĩ đến gia-đình, tổ-quốc, nhân-loại, dùng lý-trí cảm-thông với vũ-trụ vô cùng, rồi trở về hồn mình đề khinh thường mọi sự phù phiếm của thế gian, người không bao giờ nâng niu con tim bé bỏng của người.

Thi nhân ngày nay cúi đầu xuống đất, âm-thầm lần tránh vào tâm hồn chật hẹp của cá-nhân vị-kỷ, bần khoản hối-hả riết lấy những bảo ảnh của cuộc thế, và đau-đớn, bơ vơ khi thấy đôi cánh tay mình bất-lực đề những bảo ảnh kia tan-tác biến đi.

• Cái cao rộng của người xưa đầy khi hạo-nhiên, không có vẻ vay-mượn, nhất là không bao giờ ra ngoài lẽ phải, không phải cái ngông-euông của trường thơ Loạn (23).

Cái say-sưa của người xưa là cái say-sưa thích-chi của kẻ tự thấy mình thanh cao hơn cái tâm,

thường giữa cuộc đời ô-trọc, không phải cái say đắm cay chán nản và yếm-thế của kẻ thất bại trong trường đời (24).

Cử-chỉ người xưa lẽ độ lạ thường, nhưng linh hồn người buồn-bình vô song: Không ai bắt người khuất phục được. Làm thơ, người xem như một trò giải-trí, người không trân trọng quý báu thi-phẩm của người một cách-ích kỷ. Nhưng bước chân lên đoạn đầu dài người vẫn có tấm lòng bình thản dễ chấp-nối những lời thơ.

HOÀNG-THIỆU SƠN

1) En Europe l'homme se sépare en Asie il se confond (En Chine).

2) Abel Bonnard cũng công-nhận điều ấy ở các thi-nhân Tàu (xem En Chine).

3) Hà lương chia rẽ đường này... (Chinh Phụ Ngâm)

4) Nguyễn-dinh-Tân (trích ở Văn Việt Nam của Nguyễn-can-blon) và Nguyễn-công-Trứ: Hầu gái một hai cô buổi tối Tớ trai ba bốn cậu ban ngày.

5) Ôi như hầu.

6) Tú Xương (Cộc lồ-lôm).

7) Nguyễn-công-Trứ

8) Nguyễn-công-Trứ (Hàn nho phong vị phú).

9) Đào-thuy-Từ (Ngọa long cương vãn).

10) Thơ Bản Than

11) Vịnh Phông-đá.

12) Anh chàng giả điếc

13) Kim tiền

14) Lời gái góa

15) Lời vợ phụng chèo

16) Hầu Giới

17) Tàn canh phụ nữ (dục) lưu Bài-công

18) Thơ con cóc (Lê Thánh-Tôn)

19) Thơ cái nón ()

20) Vịnh thằn lằn ()

21) Vịnh người tát nước (Tú Xương)

22) Văn tế vua Quang-Trang (Ngọc Han công chúa)

23) Hàn Mặc-tử, Chế-lạp-viên

24) Vũ hoàng-Chương, J. Leiba.

« LẬP-NGÔN »

(Tiếp theo trang 3)

đã viết ra, mình cũng những phải chịu trách nhiệm trước tòa công-luận đương thời, mà lại còn phải « hậu cứu » ở những « phiên » thẩm-phán của ngulân xưa và nay sau nữa.

Họ có quyền làm, muốn viết gì thì viết, muốn in gì thì in, chứ ai « dám » bấu cựa tâm lòng kiêu-ngạo của họ. Nhưng, nên nhớ rằng trình-độ độc-giả bây giờ đã cao lắm rồi, cao hơn mười mười năm xưa, cao hơn người viết. Nếu không cẩn thận một chút thì chỉ tội chác lấy cái tiếng « ếch nằm đáy giếng » và « múa rìu qua mắt thợ » mà thôi.

Tâm bình của phái này có lẽ cũng chuug một căn-nguyên với những kẻ không biết kính trọng cái tôn-nghiêm, cái đẹp-đẽ ở nơi miếu, điện, đền, chùa mà ông Hoàng xuân Hãn đã tặng họ mấy câu rất đúng:

«...Đó cũng bởi kiêu căng quá mực. Ta tự cho bản-thân là đặc-sắc, nên danh-hiệu mình phải lưu lại với thời-gian...» (Thanh-ngệ số 60, ngày 1er avril 1914, trang 15).

Tới đây tôi lại nhớ một nhà học-giả ở Hà-nội có nói: « Ở ta bây giờ có một việc cần làm là hết thấy mọi người hãy phải quay về mà cập sách đi học thêm đã, rồi hằng nói đến chuyện viết-lách gì sau! » Đó tuy là lời « cực đoan », có vẻ « quá khích », nhưng thiết tưởng không phải không hữu-số-vị mà nói ra vậy.

Sau khi đã ngộ qua mấy phải trong làng « Lập ngôn » ở xứ ta

và hạ đời lời lam bình, tôi xin kể thêm một chuyện — nếu không nhớ lắm — có quan-hệ đến việc làm sách:

Có người nói với Trinh-tử:

— Chú - thích sách thuốc: nếu sai lầm thì rất nguy, vì có thể giết tính mạng người ta được.

Trinh-tử đáp:

— Nhưng không nguy bằng công-việc chú-thích Kinh Truyện, vì chú thích sách thuốc mà lẫn thì chỉ giết hại một hai mạng người thôi, bởi chung một khi người nước uống lầm một bài thuốc nào mà chết thì người sau tất phải tránh đi, chứ không khi nào lại chịu mắc nữa. Đến như chú thích Kinh Truyện mà sai lầm thì sẽ làm hại biết bao nhiêu người trong thiên hạ và hậu thế.

Câu chuyện trên đây, tôi tưởng là một bài học chung cho chúng ta: cần phải thận trọng trong khi cầm bút viết sách.

HOA BẢNG

GIỚI THIỆU

Bản chỉ vừa nhận được cuốn « Lén tám » của thi sĩ Tản Đà do thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản — giá 1\$50.

Sách in bìa màu đỏ họa sĩ Mạnh Quỳnh trình bày và vẽ rất mỹ thuật.

Phê-hoa: (thơ) của Lê Minh — Dag Tân thư xã xuất bản giá 3\$00. Bìa giấy tốt in hai màu — trình bày mỹ thuật.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

T. T.

CHẠY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 21

CHU-THIÊN

Đoàn-Vân đã rút kiếm ra đâm sầm cầm ở tay, lưỡi kiếm bóng loáng phản chiếu ánh mặt trời phát ra những tia sáng chói lòa. Người kia run run, mắt cả về điềm-jinh nói ngập ngừng lầu lầu :

— Công-tử giết, tiểu-chức xin vâng, không dám tống lại, nhưng tiểu chức chỉ tiếc công-tử quá u mê, đâm đuổi với một người con gái mà quên mất cả từ nhà nghĩa lớn. Clính tiểu chức đã gặp nghĩa sĩ Văn Côi. nghĩa-sĩ có bảo tiểu-chức về lầu với công-tử.

Đoàn-Vân gạt :

— Ta không biết. Anh nhều nhời vô ích. Ta cần phải giết, chàng hoa kiếm lên, người kia lui, một bước, cũng rút kiếm ra chọi chống lại, nhưng nhanh như cắt chàng đã phóng lưỡi kiếm vào trúng cuống họng bên dích. Máu vọt ra một tia dài, rồi cả người ngã lăn quay ra không kịp kêu. Chàng chắt lấy thủ cấp sách về qua chỗ gặp thông Kim-vân và Thỉnh-Nguyên trông thấy sợ rú lên, kinh ngạc không sức thốt ra tiếng chỉ đưa mắt sợ hãi nhìn hỏi

Đoàn-Vân điềm tĩnh đáp :

— Nó lão quá; ta giết nó đem đầu về trình bác !

Kim-Vân công-chúa nhón nhấc sợ tròn hai mắt hỏi giạt :

— Sao vậy?

Vấn thông thả điềm tĩnh, Đoàn công-tử đáp :

— Nó bảo bác thủ mưu giết hại cha tôi ngoài trận !

Kim-Vân rung mình, sợ sệt nhìn Đoàn công-tử. Chàng dịu dàng bảo :

— Thôi ta về đi !

Im lặng, xuống đến mái chân núi, và ngồi trên mình ngựa, rồi Kim-Vân mới dám buông một câu thương hại về lại lị h kẻ bị chém :

— Kốn nạn cái anh Đào-Lịch này, chỉ vì ngồng cuồng mê muội mà uổng một đời ! Hân cũng có tài và lại hay vậy tài. Lại chực sớm sớm với em, nên thầy em mới đòi cho ra ngoài hiên. Thế là hân tức ghen với anh đấy...

Kim-Vân nhìn Đoàn-Vân mỉm cười rồi nói tiếp :

— Cũng thân danh là một vị tráng sĩ đấy. người ta thường tôn là tráng-sĩ Sơn-Hạc !

Thỉnh-Nguyên tiếp :

— À tráng-sĩ Sơn-hạc, chúng tôi cũng đã được nghe danh.

IV

Về đến cung, Đoàn-Vân tức khắc đem thủ-cấp Đào Lịch vào trình vua Chương-Võ. và kể rõ cả tình đầu cuộc gặp gỡ kỳ khôi ấy. Vua Chương-Võ hết sức kinh-ngạc nhìn đầu kẻ bị giết một lúc rồi mới phán khen suông rằng :

— Ta biết con trung nghĩa lắm, Kẻ tiểu-nhân kia toan ly gián ta với con để gây lên mầm loạn ! Có mình đặt như con, thì mới không mắc vào mưu chúng ! Ta càng thêm mừng được con tin đến như thế.

Con đã tin ta và khỏe mạnh thư thái rồi, tức là đến lúc ta phải khởi sự đánh kẻ loạn thần.

Kim-Vân công-chúa đứng bên lầu ngay :

— Ấy thưa cha, hôm nay cũng vì anh ấy buồn chưa báo được thù nên mới rủ anh Thỉnh-Nguyên và con cũng đi chơi cho khuây-khỏa, thì lại gặp ngay cái sự chẳng hay này !

Vua Chương-Võ cười bảo Đoàn-Vân :-

— Không ! Ta không quên cái thù lớn ấy đâu ! Nhất là cái thù ấy lại là thù chung của cả thiên hạ, chứ không riêng gì một ai, của con hay của ta. Còn tên Đào-Lịch này vốn cậy tài tự kiêu đòi hỏi lắm điều hỗn sược, ta không nỡ giết, dung tha cho nó ra ngoài biên lập công chuộc tội, không ngờ nó lại về với họ Trần, lập mưu ly gián ta. Con trừ giết được nó thật là phúc lớn cho thiên hạ, Ta mừng con và xin hậu thưởng con đề đền đáp công lớn. Và ta sẽ trừ tính cùng con đi đánh giặc ngay.

Rồi ngài sai quân lính đem thủ cấp Đào-Lịch đến chân núi Lạn-kha và nhặt lấy cả cái thầy trên đỉnh núi, đem chôn một thê vào một huyệt. Quân lính đem thủ cấp ra rồi, ngài cười bảo Đoàn-Vân Kim-Vân và Thỉnh-Nguyên :

— Tên Đào-Lịch chỉ đại mà uổng mạng. Nên ta cũng thương-

huong, mới sai đắp điểm cho hẳn tử tế một chút như thế kéo tới nghiệp!

Thịnh-nguyên hỏi thêm:

— Bẩm tráng-sĩ Sơn-hạ đã lên đến bậc ấy mà còn thế thật là hoải mất một đời.

Ngài cười tiếp:

— Phải, cũng rồi danh tráng-sĩ một thì, kia đấy. Chỉ vì cậy tài tự cho mình là phải, là có quyền muốn sao được vậy. Hữu tài vô hạnh! Hồng! Ta phải noi đây mà làm gương.

Rồi ngài sai đặt tiệc: mừng Đoàn-Vân, và tập trăm quan cùng dự tiệc và bàn ngày xuất quân. Ăn uống vui mừng đàn hát mãi đến khuya mới tan. Quân lính phải xách đèn lồng đưa hai chàng về lâu. Mấy hôm sau, có cuộc đại cử tiến đánh kinh thành, tất cả các bậc tướng tài binh giỏi đều đi dự cả. Công-chúa Kim-Vân, công tử Đoàn-Vân và công tử Thịnh-Nguyên đều theo bên trưởng vua Chương-Võ lễ đốc xuất quân ra ngoài mặt trận. Cuộc đi tuy không được lợi việc dùng binh thất bại, nhưng cái tình quyến luyến của công tử Đoàn-Vân đối với vua Chương-Võ càng thêm thấm thía. Chàng nhận thấy đức vua tận lực với chàng, dốc lòng báo thù cho bạn. Vì chàng nóng-này muốn tiến quân, nên ngài phải chiều lòng, thành ra cuội đi không được lợi. Tuổi mà ngài không hề buông lời trách chàng, ngài chỉ phàn nàn tự trách là cách dùng binh còn kém, quân tướng tiến lui không được đều mà hèn nổi. Thấy ngài nhàn từ mà nghiêm nghị, quở trách các tướng, chàng càng cảm kích, và tìm đủ cách tỏ ra biết ơn và tôn kính ngài về phần ngài, ngài cũng

quý yêu chàng rất mực. Không một việc nhỏ nhặt gì là ngài không bàn với chàng. Có việc ngài không bảo Kim-Vân mà chỉ bảo nguyên chàng. Ngài thường bảo chàng:

— Con Kim-Vân nó thẳng thắn, các võ thuật cũng khá, chỉ phải lợi tự kiêu tự đại quá. Phải đánh gãy cái chí nó đi nhiều thì mới dằn dọng.

Và những lúc dỗi dãi, cùng ngồi chơi bên cung Chương-Võ, lâm bệnh ngài vui vẻ âu-yếm phán chàng:

— Con người ta bề bề bên chí là được, không lo con ạ. Hễ xong giặc Trần rửa được thù cho thầy con, trong thiên hạ vô sự, ta làm lễ cưới cho con với Kim-Vân là tha hồ vui vẻ.

Đoàn-Vân vui vẻ tiếp:

— Thật bá thượng con quá, thương hơn con đẻ!

— Nghĩa phải như vậy chứ. Vả rồi con cũng là con ta kia mà!

Từ đấy Đoàn công-tử tỏ ra vui vẻ, và tận tâm với Chương-Võ hoàng đế và Kim-Vân công-chúa. Chàng được coi như người nhà.

thận-mật và tin cậy, ra vào không ai dám lỗi. Lành hạnh lắm thường luồn-lọt tâng công đều gọi tên chàng là Phó-mã, là Điện-hạ, là Đại-vương, chàng chỉ mỉm cười vui vẻ hoặc tươi cười đáp lại:

— Ấy chết, các bác chớ gọi tôi thế, không tiện, ngộ công-chúa không bằng lòng thì sao!

Chàng nói vậy để nhún mình cho nện ai cũng quý mến.

Cuộc đời đương binh thân ái-âm như thế, bỗng một hôm, Đoàn-Vân vờ ra khỏi thành gặp ngay một người lính của Đoàn Động-hải vương trước, theo hầu chàng lên đây, rồi không sợ việc được sung vào đội quân của vua Chương-Võ. Tên lính ấy quý giữ chàng lại, và van xin nói chuyện nhờ giúp một việc. Chàng ngạc nhiên hỏi:

— Chú định hỏi tôi cái gì?

Người lính kia lễ phép thưa:

— Tiều-tốt xin công tử nhớ đến Tiên-tướng.

Đoàn-Vân cười hỏi:

— Sao chú lại ăn nói lần lần thế. Lúc nào tôi chả nhớ đến, và đáp chỉ báo thù.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐẠI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực phẩm thay đổi

— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in cỡ hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 — Cước 1\$20

Thư và ngân-phiếu để cho:

O. DINH-VAN-TUẾ

Số 32 Phố Riquier — Hanoi

LE CAPITAINE ĐỒ HỮU VIpar **S. E. PHẠM QUỲNH**

Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của thư-xã Alexandre de Rhodes, dày 50 trang khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của Nguyễn Tiến Lãng. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu. Một áng văn kết tác của cụ Thượng Phạm, mà trong thời buổi này, thanh niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy - nghĩ.

Bản thường	0\$50
Bản giấy tốt	3 60
Cước	0 32

Sắp có bán**CỤC ĐÔNG**

cổ sử

của Nguyễn Đức Quỳnh

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và ẤN ĐỘ

Đã có bán**NGUYỄN CÔNG TRỨ**của **NGUYỄN BÁCH KHOA**

dày 400 Trang giá 6\$00

Mua một cuốn gửi thêm 0\$80 cước

- Không bán lẻ hóa giao ngân

HÀN THUYỀN 71 Tiên Tsin — HanoiMới xuất bản**TRUNG-QUỐC****SỬ LƯỢC**của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH Hanoi**QUỐC HỌC THƯ XÃ**Mới phát hành**VIỆT HOA THÔNG SỬ**

Giá 5\$00

Sắp phát hànhLược-luận về **PHỤ-NỮ VIỆT-NAM**Luận-lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT****LỊCH - SỬ BẢO - CHÍ** hoán cầu**NGHỆ - THUẬT** và **DANH - GIÁO**

mua sách, đặt sách, xin viết cho

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

[REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général]

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi